

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ NHƯ PHÁN

**BIỆN CHỨNG GIỮA NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC  
VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY  
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở PHÚ YÊN  
HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2014 | PDF | 107 Pages  
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng, 2014

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ NHƯ PHÁN**

**BIỆN CHỨNG GIỮA NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC  
VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY  
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở PHÚ YÊN  
HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: TRIẾT HỌC**

**Mã số: 60.22.80**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Người hướng dẫn: PGS.TS LÊ HỮU ÁI**

**Đà Nẵng, 2014**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.*

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

*Tác giả*

**Nguyễn Thị Như Phần**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	3
4. Phương pháp nghiên cứu .....	3
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn.....	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....	3
<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC.....</b>	<b>7</b>
1.1. QUAN NIỆM VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TRONG LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRƯỚC MÁC .....	7
1.2. BIỆN CHỨNG GIỮA NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TRONG TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN.....	12
1.2.1. Khái niệm nội dung.....	12
1.2.2. Khái niệm hình thức .....	13
1.2.3. Quan điểm của Triết học Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức.....	14
1.3. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	17
1.3.1. Phương pháp giảng dạy và vai trò của phương pháp giảng dạy. 17	
1.3.2. Biện chứng giữa nội dung và hình thức trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn GDCD.....	19
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....</b>	<b>24</b>
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở PHÚ YÊN HIỆN NAY.....</b>	<b>25</b>
2.1. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ.....	25

2.1.1. Môn GDCD ở các trường THPT .....	25
2.1.2. Vai trò của môn GDCD trong hệ thống chương trình giáo dục phổ thông.....	25
<b>2.2. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TỈNH PHÚ YÊN HIỆN NAY .....</b>	<b>27</b>
2.2.1. Nhân tố khách quan .....	27
2.2.2. Nhân tố chủ quan.....	30
<b>2.3. TÌNH HÌNH GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở TỈNH PHÚ YÊN HIỆN NAY.....</b>	<b>34</b>
2.3.1. Điều kiện địa lý tự nhiên và đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa giáo dục của Phú Yên.....	34
2.3.2. Tình hình giảng dạy và học tập môn GDCD.....	36
2.3.3. Những nguyên nhân cơ bản .....	39
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>41</b>
<b>CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở PHÚ YÊN HIỆN NAY .....</b>	<b>42</b>
<b>3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH GIẢI PHÁP .....</b>	<b>42</b>
3.1.1. Cơ sở lý luận.....	42
3.1.2. Cơ sở thực tiễn.....	45
<b>3.2. CÁC GIẢI PHÁP .....</b>	<b>45</b>
3.2.1. Nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của môn học ...	46
3.2.2. Hoàn thiện nội dung môn học.....	46
3.2.3. Đổi mới hình thức giảng dạy và học tập.....	51

3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy môn GDCD.	74
3.2.5. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá.....	78
<b>3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>82</b>
3.3.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo.....	82
3.3.2. Đối với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên .....	82
3.3.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên.....	83
3.3.4. Đối với các trường THPT .....	84
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3</b> .....	<b>86</b>
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>87</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI</b>	
<b>PHỤ LỤC</b>	

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

THPT:	Trung học phổ thông
GDCD:	Giáo dục công dân
PPGD:	Phương pháp giảng dạy

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một quốc gia ở khu vực Đông Nam Á - đang thực hiện sự nghiệp đổi mới và hội nhập, mở rộng giao lưu quốc tế và hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vấn đề nguồn nhân lực đã và đang trở thành vấn đề cốt yếu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần làm động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội.

Giáo dục phổ thông, trong đó có môn Giáo dục công dân (GDCD) là một lĩnh vực có vai trò quan trọng nhằm hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho học sinh. Tuy nhiên, môn học này hiện nay còn có nhiều bất cập trên cả hai phương diện: Nội dung và phương pháp. Dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa, hệ thống giáo dục nước ta đang có nhiều thay đổi sâu sắc từ quan niệm về chất lượng giáo dục, mục tiêu giáo dục, đến cách thức tổ chức và hệ thống giáo dục. Nhà trường từ chỗ dựa trên hoạt động dạy và học truyền thống chuyển sang quan niệm lấy người học làm trung tâm, tiếp nhận thông tin, gắn liền với nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Nhà giáo từ chỗ chỉ truyền đạt kiến thức chuyển sang cung cấp cho người học phương pháp thu nhận thông tin một cách có hệ thống, có tư duy, phân tích và tổng hợp. Học sinh từ chỗ tiếp thu kiến thức một cách thụ động, trở thành trung tâm thu nhận kiến thức. Do vậy, nhà trường cần thiết phải đổi phương pháp và nội dung giảng dạy.

Trong những năm gần đây, việc đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung, dạy học môn GDCD nói riêng ở tỉnh Phú Yên thu hút nhiều sự quan tâm của xã hội. Các kênh, nguồn thông tin phong phú đa chiều mà học sinh có thể tiếp nhận đã đặt ngành giáo dục trước yêu cầu cấp bách là cần phải đổi mới PPGD môn GDCD ở Trường trung học phổ thông (THPT) hiện nay. Đây thực sự là thách thức lớn đối với ngành giáo dục, nhà trường và giáo viên.



Tình hình giảng dạy môn GDCD ở Phú Yên hiện nay còn nhiều bất cập. Phần lớn giáo viên vẫn lên lớp bằng phương pháp truyền thống: Thầy đọc, trò chép, tạo cảm giác mệt mỏi, thụ động đối với học sinh trong việc tiếp nhận kiến thức, học sinh lơ là trong học tập, phụ huynh và xã hội không quan tâm cho đây là môn học không quan trọng, nên các em học một cách thụ động, đối phó. Sách giáo khoa và tài liệu phục vụ cho việc dạy học bộ môn đang còn nhiều hạn chế về số lượng và chất lượng, nội dung môn học nhiều bất cập, việc đổi mới PPGD chưa hiệu quả. Chính vì vậy, chất lượng đào tạo không đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu giáo dục của bộ môn đề ra.

Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi chọn đề tài “*Biện chứng giữa nội dung và hình thức với vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân ở Phú Yên hiện nay*”

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích**

Trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, từ thực tiễn dạy và học môn GDCD, luận văn đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn GDCD ở Phú Yên hiện nay.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích trên, luận văn thực hiện các nhiệm vụ cơ bản như sau:

*Thứ nhất*, làm rõ nội dung mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức.

*Thứ hai*, phân tích thực trạng dạy và học môn GDCD ở Phú Yên hiện nay.

*Thứ ba*, đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học môn GDCD ở Phú Yên hiện nay.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng**

- Nội dung quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức.

- Thực trạng dạy và học môn GDCD tại các trường THPT ở Phú Yên hiện nay.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn giới hạn phạm vi nghiên cứu trong quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức; sự vận dụng quan điểm đó trong việc nâng cao hiệu quả dạy và học môn GDCD tại các trường THPT ở Phú Yên hiện nay.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp như: Hệ thống hóa, trừu tượng hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử và lôgic,...

### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

- Luận văn góp phần vào việc làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức.

- Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho những người đang giảng dạy và nghiên cứu trong ngành giáo dục. Các giải pháp mà luận văn đề xuất có thể gợi mở cho các cơ quan lãnh đạo và quản lý có những điều chỉnh phù hợp, qua đó nâng cao hiệu quả dạy và học môn GDCD ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên hiện nay.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Trong những năm qua, ở nước ta đã có một số tài liệu nghiên cứu về vấn đề đổi mới PPGD môn GDCD, hoặc những vấn đề có liên quan đến đổi mới PPGD môn GDCD ở trường THPT. Tôi xin nêu một số tài liệu như sau:

1. Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kỹ thuật dạy học - Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Hương Trà, Nguyễn Phương Hồng, Cao Thị Thặng - NXB Đại học sư phạm, 2010.

Tài liệu đã nêu những ý chính sau:

- Một số vấn đề lí luận cơ bản về dạy và học tích cực: Vì sao phải đổi mới phương pháp dạy và học tích cực; Đổi mới dạy và học theo hướng tích cực là gì; Điều kiện đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực; Sự khác nhau giữa dạy học thụ động và dạy học tích cực.

- Một số kỹ thuật dạy và học theo hướng tích cực: Kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật khăn phủ bàn, kỹ thuật mảnh ghép, sơ đồ tư duy, kỹ thuật “KWL”, kỹ thuật học tập hợp tác.

- Một số phương pháp dạy và học tích cực: Dạy học đặt và giải quyết vấn đề; dạy học hợp tác; dạy học vi mô; học theo góc; học theo dự án...

- Đánh giá trong dạy và học tích cực: Vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục; Định hướng đổi mới trong đánh giá; Đánh giá trong dạy và học tích cực...

2. Tài liệu tập huấn giáo viên: Dạy học, kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông, môn GDCD cấp THPT - Trần Văn Thắng, Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Thị Thu Hoài - Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Hà Nội, 2010.

Tài liệu đã trình bày những nội dung chính sau:

- Giới thiệu tổng quan một số khái niệm: giới thiệu về phương pháp dạy học, giới thiệu về đánh giá.

- Khái quát tài liệu hướng dẫn dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông: lý do, mục đích biên soạn tài liệu; cấu trúc tài liệu; yêu cầu của việc sử dụng tài liệu.

- Giới thiệu một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng trong dạy học môn GDCD THPT.

- Tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng thông qua các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

3. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10,11 và 12 môn GDCD - Mai Văn Bình - NXB Giáo dục, 2007.

- Phần thứ nhất: Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THPT gồm đổi mới chương trình, nội dung giáo dục THPT; đổi mới phương pháp dạy học (định hướng đổi mới phương pháp dạy và học, đặc trưng phương pháp dạy và học tích cực); đổi mới kiểm tra, đánh giá.

- Phần thứ hai: Chương trình và sách giáo khoa GDCD lớp 10, 11 và 12 gồm hướng dẫn thực hiện chương trình và sách giáo khoa môn GDCD; đổi mới kỹ thuật dạy học môn GDCD ở trường THPT (huy động tư duy, tham vấn bằng phiếu, kỹ thuật phòng tranh, kỹ thuật điều phối); sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học (quan niệm và chức năng của phương tiện thiết bị dạy học), hướng dẫn sử dụng phương tiện dạy học theo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn GDCD như: sử dụng đầu máy DVD và tivi, máy chiếu Overhead, máy tính, máy chiếu Projector và phần mềm PowerPoint...

4. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn GDCD trường THPT (Theo chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật năm 2009) - NXB Hà Nội, tháng 12/ 2009.

- Vài nét về tình hình dạy học môn GDCD ở trường THPT.

- Một số điểm cần lưu ý về nội dung dạy học môn GDCD ở trường THPT.

- Đặc trưng môn GDCD ở trường THPT.

- Cơ sở của việc đổi mới PPGD môn GDCD ở trường THPT (cơ sở pháp lý, cơ sở tâm lý - giáo dục, cơ sở kinh tế - xã hội).

- Một số phương pháp dạy học tích cực môn GDCD ở trường THPT: phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi, phương pháp dự án.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá môn GDCD ở trường THPT: Mục đích kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; một số yêu cầu cơ bản của việc đổi mới kiểm tra, đánh giá môn GDCD ở trường THPT; hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh...

Và một số bài viết liên quan đến vấn đề này như: Tiểu luận Cập phạm trù Nội dung- hình thức và việc áp dụng nó vào việc phát triển sản phẩm gốm sứ Bát Tràng trên thị trường Việt Nam hiện nay; Thực tiễn áp dụng cập phạm trù “Nội dung- Hình thức” với vấn đề thương hiệu trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa ở Việt Nam (Nguyễn Thị Kim Chung); Vấn đề nội dung, chất liệu và hình thức trong sáng tạo nghệ thuật ngôn từ (M. Bakhtin).

Tuy nhiên, các công trình trên hoặc chỉ đi sâu xem xét riêng từng vấn đề trong phương pháp dạy học, đổi mới PPGD; hoặc chỉ giới hạn lại trong phạm vi nghiên cứu đã định về nội dung và hình thức, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu vấn đề biện chứng giữa nội dung và hình thức với vấn đề đổi mới PPGD môn GDCD ở Phú Yên hiện nay. Vì vậy, đây là một đề tài hoàn toàn mới, không trùng với bất cứ đề tài luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ hoặc công trình nghiên cứu nào đã công bố trước đây.

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC

#### 1.1. QUAN NIỆM VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TRONG LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRƯỚC MÁC

Ở phương Đông, vấn đề về nội dung và hình thức được luận giải dưới nhiều góc độ khác nhau. Tiêu biểu cho những quan niệm về nội dung và hình thức có thể kể đến các trường phái như: Nho gia, Pháp gia, ...

Thời Xuân Thu, với những biến động lớn về điều kiện đời sống kinh tế, chính trị, xã hội đã làm xuất hiện nhiều trào lưu tư tưởng triết học. Trong đó, Nho gia nổi lên và trở thành một trong những trường phái triết học có ảnh hưởng lớn nhất của thời kỳ này. Người sáng lập Nho giáo là Khổng Tử (551-479 Tr.CN), ông sinh ra ở nước Lỗ, quê hương của ông là nơi bảo tồn được nhiều di sản văn hóa cũ của nhà Chu. Trong tư tưởng của mình về nội dung và hình thức, tư tưởng của Nho giáo được thể hiện tập trung trong mối quan hệ giữa Nhân và Lễ, cụ thể:

Chữ “Nhân” là hạt nhân trong học thuyết chính trị của Khổng Tử. Theo ông, “Nhân” là nội dung, “Lễ” là hình thức của “Nhân” và “Chính danh” là con đường để đạt đến điều Nhân. Nghĩa của “Nhân” là “Thương người” (Ái nhân), “Điều gì mà mình không muốn thì cũng đừng đem áp dụng cho người khác” (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân), “Mình muốn lập thân thì cũng giúp người khác lập thân, mình muốn thành đạt thì cũng giúp người khác thành đạt” (Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân) đây là nội dung cơ bản trong học thuyết về “Nhân” của Khổng Tử. Ông cho rằng, phẩm chất chất phác, tình cảm chân thực là điều kiện cần thiết để trau dồi đức “Nhân” (Mộc nột cận nhân), những người thích trau chuốt, hình thức, khéo nói là ít đức “Nhân” (Xảo ngôn lệnh sắc, tiển hĩ nhân). Như vậy, có thể hiểu nhân là tổng hợp tất cả những phẩm chất cơ bản mà một người cần phải có.

Ở Khổng Tử, trước hết, lễ được hiểu là lễ giáo phong kiến như những phong tục tập quán; những quy tắc, quy định về trật tự xã hội; thể chế, pháp luật nhà nước như: Sinh, tử, tang, hôn, tế lễ, luật lệ, hình pháp...; sau đó, lễ được hiểu là luân lý đạo đức như ý thức, thái độ, hành vi ứng xử, nếp sống của mỗi con người trong cộng đồng xã hội trước lễ nghi, trật tự, kỷ cương phong kiến. Nhân và lễ có quan hệ rất mật thiết. Nhân là nội dung bên trong của lễ, còn lễ là hình thức biểu hiện nhân ra bên ngoài. Nhân giống như cái nền tơ lụa trắng tốt mà trên đó người ta vẽ lên những bức tranh tuyệt đẹp. Khổng Tử cho rằng, trên đời không hề tồn tại người có nhân mà vô lễ. Vì vậy, ông khuyên chớ xem điều trái lễ, chớ nghe điều trái lễ, chớ nói điều trái lễ và chớ làm điều trái lễ.

Tuy nhiên, do hạn chế của lập trường giai cấp, học thuyết “Nhân” của Khổng tử có nội dung giai cấp rõ ràng. Ông cho rằng, chỉ có người quân tử (giai cấp thống trị) mới có thể có được đức “Nhân”, còn kẻ tiểu nhân (nhân dân lao động) không thể có được đức “Nhân”. Nghĩa là đạo Nhân chỉ là đạo của người quân tử, của giai cấp thống trị.

Cùng với Nho gia, Pháp gia cũng được xem là một trong những trường phái có ảnh hưởng lớn của thời kỳ này. Những giá trị tư tưởng của pháp gia đã vượt ra khỏi giới hạn của thời cổ đại, cho đến nay nó vẫn đang được tiếp tục nghiên cứu và kế thừa. Trong đó, những tư tưởng về nội dung và hình thức có nhiều luận điểm khá đặc sắc. Đại diện tiêu biểu cho trường phái này là Hàn Phi (khoảng 280-233 Tr.CN), ông là người có tư tưởng duy vật tiêu biểu của thời Xuân Thu- Chiến Quốc.

Hàn Phi đã kế thừa và phát triển những yếu tố có tính chất duy vật về tự nhiên của Lão Tử và Tuân Tử, ông giải thích tính khách quan, quy luật về sự phát sinh, phát triển của vạn vật, phủ nhận Hữu thần luận. Ông cho rằng, “Đạo” là quy luật phổ biến của giới tự nhiên, nó tồn tại vĩnh hằng không thay

đổi, là cái “Một” thần bí khó hiểu; “Đức” là cái công của “Đạo”, là cái “bản thân mình hiểu được”; sở dĩ “hiểu được” vì “Đức” là “cái lý sâu sắc phổ biến” tức là cái Một (Đạo) đã phân chia, sự vật đã có hình dáng cụ thể và biến hóa bất thường. Ông nói rằng: Hễ vật có hình thì dễ phân chia. Có hình thì có dài ngắn, có dài ngắn thì có lớn nhỏ, có lớn nhỏ thì có tròn vuông, có tròn vuông thì có cứng mềm, nặng nhẹ, trắng đen gọi là Lý, Lý đã định thì vật dễ chia.

Trong kho tàng tư tưởng triết học của phương Tây cổ đại, quan niệm về nội dung và hình thức cũng chiếm một vị trí hết sức quan trọng. Những nội dung cơ bản trong quan niệm về nội dung và hình thức được thể hiện tập trung trong tư tưởng triết học của các đại diện tiêu biểu như:

Hêraclit (Heraclitus, 544- 483 Tr.CN), là nhà biện chứng nổi tiếng ở Hy Lạp cổ đại, ông xuất thân từ tầng lớp chủ nô quý tộc. Hêraclit có nhiều tư tưởng biện chứng rất sâu sắc, nhưng cách thức thể hiện chúng ở ông không rõ ràng, có nhiều ẩn dụ khó hiểu.

Hêraclit cho rằng, lửa là nguồn gốc sinh ra tất thảy mọi sự vật, “mọi cái biến đổi thành lửa và lửa biến thành mọi cái...”. Lửa không chỉ là cơ sở của mọi vật mà còn là khởi nguyên sinh ra chúng. Chuẩn mực của mọi sự vật theo Hêraclit đó là logos- quy luật khách quan của vũ trụ, quy định trật tự và chuẩn mực của mọi cái. Logos cũng chính là lửa, nhưng dưới góc độ xem xét của trí tuệ. Vì vậy, giữa logos và lửa không thể tách rời nhau, bởi thế giới chính là ngọn lửa cháy vĩnh viễn, mà logos là trật tự thống nhất thế giới, là quy luật của tồn tại, đảm bảo sự phát triển hài hòa của thế giới. Dưới con mắt của Hêraclit, mọi sự vật trong thế giới của chúng ta đều thay đổi, vận động, phát triển không ngừng với luận điểm bất hủ: “Chúng ta không thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông”.

Arixtốt (Aristoteles, 384 - 322 Tr.CN) là nhà triết học, nhà giáo dục và nhà khoa học đã tạo nên ảnh hưởng lớn đối với triết học ở phương Tây nói



riêng cũng như thế giới nói chung. Arixtốt thấy rằng, có nhiều hình thức nhà nước khác nhau. Trong đó, hình thức "đúng" của nhà nước có thể biến thành một hình thức nhà nước "lệch lạc", nơi mà thể chế bị mục nát. Arixtốt được coi là một trong các nhà triết học Hy Lạp quan trọng nhất. Ông tin rằng, tiến trình suy diễn luân lý này được đặt trên một hình thức tranh luận mà ông gọi là Tam đoạn luận. Trong một tam đoạn luận, một định đề được suy diễn từ hai định đề đúng khác. Trong tác phẩm *Physics*, Arixtốt đã phân biệt "hình thể" với "chất liệu" của một vật...

Phorăngxít Bêcon (Francis Bacon, 1561- 1626) là nhà triết học vĩ đại thời cận đại. Theo Mác, Bêcon là ông tổ của chủ nghĩa duy vật Anh và khoa học thực nghiệm. Ông cho rằng, hình dạng của sự vật nằm trong chính bản thân sự vật, là bản chất hoàn toàn khách quan của nó. Nhà duy vật Anh hiểu phạm trù "hình dạng" của sự vật theo khía cạnh sau:

- Đây là nguồn gốc bên trong của sự vật, là cái mà nhờ đó sự vật là nó chứ không phải là cái khác.

- Là nguyên nhân tất yếu và đầy đủ để sự vật đó xuất hiện.

- Đó là phạm trù thể hiện bản chất chung của một nhóm sự vật có cùng những tính chất giống nhau, là quy luật vận động vật chất trong các sự vật đó.

Bêcon khẳng định mọi "hình dạng" thực chất đều chỉ là "hình dạng" của vật chất, nhưng đôi khi ông coi "hình dạng" là khái niệm chung, thuộc lĩnh vực tinh thần chứ không phải bản chất riêng lẻ của sự vật. Quan niệm của Bêcon về "hình dạng" thể hiện ý đồ của ông muốn dung hợp giữa hai hướng: xu hướng thứ nhất quan niệm "hình dạng" thiên về phương diện chất, coi "hình dạng" là bản chất chung của sự vật, xu hướng thứ hai quan niệm "hình dạng" thiên về lượng.

Căntơ (Immanuel Kant, 1724-1804) là giáo sư Siêu hình học và Đạo đức học, ông là một triết gia hàng đầu trong phong trào khai sáng tại phương

Tây và được hậu thế tôn vinh là người khai sinh ra môn Đạo đức học hiện đại. Trong hoạt động thực tiễn, chúng ta thường bám vào sự việc trước mắt. Đó là chủ quan của sự hoạt động. Ông cho rằng, có thể tìm giải pháp trong vấn đề năng lực của sự nhận xét. Trong những nhận xét của chúng ta, có hai hạng nhận xét độc lập, tự túc, không dựa vào cái gì hết, chỉ dựa vào nội dung của nó, đó là nhận xét thẩm mỹ và nhận xét về mục đích trong tự nhiên.

Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770 - 1831) là nhà triết học duy tâm khách quan, đại biểu xuất sắc của Triết học cổ điển Đức, người xây dựng nên phép biện chứng duy tâm. Triết học của Hêghen là đỉnh cao của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII- đầu thế kỷ XIX. Qua quá trình nhận thức thế giới, con người đã xây dựng nên những khái niệm. Khái niệm là hình thức cơ bản của tư duy, nhưng Hêghen đã tuyệt đối hoá khái niệm, coi đó là "sự bắt đầu của mọi sự sống" và là hình thức vô hạn sáng tạo, bao hàm bên trong sự hoàn bị của mọi nội dung và đồng thời đóng vai trò nguồn gốc của chính nội dung. Với quan niệm đó, Hêghen đã đảo lộn quan hệ tồn tại (nguồn gốc của nội dung) và tư duy (khái niệm), coi tư duy là cái có trước tồn tại, nhờ đó mà sự vật hiện hữu.

Đối với Hêghen, triết học là tinh hoa tinh thần của thời đại, là thời đại thể hiện dưới hình thức tư tưởng. Hêghen cho rằng, cái Tuyệt đối phải được nhận thức nhờ tư duy - tư duy theo cách hiểu của riêng ông - dưới "hình thức lôgic".

Trong cả ba hình thức của Tinh thần tuyệt đối: nghệ thuật, tôn giáo và triết học chỉ khác nhau về hình thức khi nhận thức đối tượng của mình. Nội dung của nghệ thuật là Ý niệm và hình thức của nó là sự trình bày cảm tính, bằng hình tượng. Hình thức nhận thức của Tôn giáo là biểu tượng, bởi cái Tuyệt đối ở đây đã chuyển từ tính khách thể của nghệ thuật sang đời sống nội tâm của chủ thể.

## **1.2. BIỆN CHỨNG GIỮA NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TRONG TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN**

Nội dung và hình thức là cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật, có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng không chỉ trong hoạt động nhận thức mà còn cả trong hoạt động thực tiễn. Do đó, việc nắm vững nội dung lý luận về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức sẽ là một trong những yếu tố cần thiết cho việc giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội hiện nay.

### **1.2.1. Khái niệm nội dung**

Với các ngành khoa học khác nhau, khái niệm nội dung có thể được hiểu theo những nghĩa không giống nhau. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nội dung được hiểu là phạm trù dùng để chỉ sự tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật, hiện tượng.

Như vậy, nội dung chính là chất liệu để trên cơ sở đó xây dựng nên các sự vật, hiện tượng. Do đó, nó được xem là mặt bên trong của sự vật, cái được hình thức chứa đựng hay biểu hiện.

Bên cạnh đó, cũng cần có sự phân biệt giữa phạm trù nội dung với phạm trù bản chất. Bởi trên thực tế, đã có không ít trường hợp bị nhầm lẫn giữa hai khái niệm này. Phạm trù bản chất là dùng để chỉ sự tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định ở bên trong quy định sự vật hiện tượng đó. Như vậy, phạm trù bản chất chủ yếu phản ánh mối liên hệ bên trong giữa các mặt, các yếu tố của sự vật hiện tượng, còn khái niệm nội dung chủ yếu phản ánh các thành tố cấu thành sự vật, hiện tượng. Ví dụ như nội dung của phân tử nước là bao gồm các nguyên tử Oxy và nguyên tử Hydro, còn bản chất của nước chính là mối liên hệ Ion giữa các nguyên tử Oxy và nguyên tử Hydro.

### 1.2.2. Khái niệm hình thức

Hình thức là phạm trù dùng để chỉ phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là cách thức tổ chức và kết cấu của nội dung. Hay nói cách khác, hình thức là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố của sự vật đó.

Hình thức là toàn thể nói chung những gì làm thành mặt bề ngoài của sự vật, cái chứa đựng hoặc biểu hiện của nội dung. Hình thức còn là cách thể hiện, cách tiến hành một hoạt động. Hình thức bao gồm hình thức bên trong và hình thức bên ngoài.

Ví dụ: Nội dung của một cơ thể động vật là toàn bộ các yếu tố vật chất như tế bào, các khí quan cảm giác, các hệ thống, các quá trình hoạt động của hệ thống... để tạo nên cơ thể đó. Hình thức của một cơ thể động vật là trình tự sắp xếp, liên kết các tế bào, các hệ thống... tương đối bền vững của cơ thể.

Nội dung của quá trình sản xuất là tổng hợp tất cả những yếu tố vật chất như con người, công cụ lao động, đối tượng lao động, các quá trình con người sử dụng công cụ để tác động vào đối tượng lao động, cải biến nó tạo ra sản phẩm cần thiết cho con người. Còn hình thức của quá trình sản xuất là trình tự kết hợp, thứ tự sắp xếp và cách thức tổ chức tương đối bền vững các yếu tố vật chất của quá trình sản xuất, quy định đến vị trí của người sản xuất đối với tư liệu sản xuất và sản phẩm của quá trình sản xuất.

Bất cứ sự vật nào cũng có hình thức bề ngoài của nó. Song, phép biện chứng duy vật chỉ chú ý chủ yếu đến hình thức bên trong của sự vật, nghĩa là cơ cấu bên trong của nội dung chứ không quá nhấn mạnh đến hình thức bên ngoài của sự vật.

Ví dụ, nội dung của một tác phẩm văn học là toàn bộ những sự kiện của cuộc sống hiện thực mà tác phẩm phản ánh, còn hình thức bên trong của tác phẩm đó là thể loại, những cách thức thể hiện được tác giả sử dụng trong tác

phẩm như phương pháp, kết cấu, bố cục, nghệ thuật xây dựng hình tượng, các thủ pháp miêu tả, tu từ... Ngoài ra, một tác phẩm văn học còn có hình thức bề ngoài như màu sắc trình bày, khổ chữ, kiểu chữ ...

### **1.2.3. Quan điểm của Triết học Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức**

*- Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức*

Nội dung và hình thức luôn gắn bó chặt chẽ với nhau trong mỗi sự vật, hiện tượng. Bởi nội dung là những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật, còn hình thức là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố của nội dung. Nên nội dung và hình thức luôn gắn bó chặt chẽ với nhau trong một thể thống nhất. Không có hình thức nào tồn tại thuần túy không chứa đựng nội dung. Ngược lại, không có nội dung nào lại không tồn tại trong một hình thức xác định. Nội dung nào thì có hình thức đó.

Nội dung và hình thức không tồn tại tách rời nhau, nhưng không phải vì thế mà lúc nào nội dung và hình thức cũng phù hợp với nhau. Không phải một nội dung bao giờ cũng chỉ được thể hiện ra trong một hình thức nhất định và một hình thức luôn chỉ chứa đựng một nội dung nhất định, mà một nội dung trong quá trình phát triển có nhiều hình thức thể hiện, ngược lại, một hình thức có thể thể hiện nhiều nội dung khác nhau.

Ví dụ, quá trình sản xuất ra một sản phẩm bao gồm những yếu tố nội dung giống nhau như: con người, công cụ, vật liệu... nhưng cách tổ chức, phân công quá trình sản xuất có thể khác nhau. Như vậy, nội dung quá trình sản xuất được diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Hoặc cùng một hình thức tổ chức sản xuất như nhau nhưng được thực hiện trong những ngành, những khu vực, với những yếu tố vật chất khác nhau, sản xuất ra những sản phẩm khác nhau. Do đó, một hình thức có thể chứa đựng nhiều nội dung khác nhau.

*- Vai trò quyết định của nội dung đối với hình thức*

Mối liên hệ giữa những mặt, những yếu tố, những bộ phận thì do chính những mặt, yếu tố, bộ phận đó quyết định.

Khuynh hướng chủ đạo của nội dung là khuynh hướng biến đổi, còn hình thức là mặt tương đối ổn định trong mỗi sự vật, hiện tượng. Nội dung thay đổi bắt buộc hình thức phải thay đổi theo cho phù hợp. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng có sự phù hợp tuyệt đối giữa nội dung và hình thức.

Ví dụ, lực lượng sản xuất là nội dung của phương thức sản xuất, còn quan hệ sản xuất là hình thức của quá trình sản xuất. Quan hệ sản xuất biến đổi chậm hơn, lúc đầu quan hệ sản xuất còn là hình thức thích hợp cho lực lượng sản xuất. Nhưng do lực lượng sản xuất biến đổi nhanh hơn nên sẽ đến lúc quan hệ sản xuất lạc hậu hơn so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và sẽ trở thành yếu tố kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển. Để mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, con người phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới phù hợp với lực lượng sản xuất. Như vậy, sự biến đổi của nội dung quy định sự biến đổi của hình thức.

*- Sự tác động trở lại của hình thức đối với nội dung*

Hình thức do nội dung quyết định nhưng hình thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại nội dung. Sự tác động của hình thức đến nội dung thể hiện ở chỗ: Nếu phù hợp với nội dung thì hình thức sẽ tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy nội dung phát triển; nếu không phù hợp với nội dung thì hình thức sẽ ngăn cản, kìm hãm sự phát triển của nội dung.

Ví dụ, trong cơ chế bao cấp ở nước ta trước đây, do quan hệ sản xuất chưa phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nên không kích thích được tính tích cực của người sản xuất, không phát huy được năng lực sẵn có của lực lượng sản xuất của nước ta. Nhưng từ sau đổi mới, khi nước ta chuyển sang xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo

cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất đất nước, do vậy, đã tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất phát triển.

Khi hình thức cũ, lỗi thời mâu thuẫn với nội dung mới thì cuộc đấu tranh giữa nội dung và hình thức sẽ dẫn đến xóa bỏ hình thức cũ, thay bằng hình thức mới cho phù hợp với nội dung mới. Đồng thời nội dung cũng được cải tạo lại. Lênin nói: Đấu tranh giữa nội dung với hình thức, vứt bỏ hình thức, cải tạo nội dung.

*- Ý nghĩa phương pháp luận*

Nội dung và hình thức luôn gắn bó với nhau trong quá trình vận động, phát triển của sự vật, nên trong nhận thức không được tách rời giữa nội dung và hình thức, tránh rơi vào chủ nghĩa hình thức.

Vì nội dung quyết định hình thức cho nên khi xem xét sự vật, hiện tượng trước hết cần căn cứ vào nội dung của nó. Để nhận xét, đánh giá một sự vật, một con người, ta phải dựa trên cơ sở nội dung lẫn hình thức. Nội dung và hình thức phải bổ sung cho nhau để đánh giá được chính xác, đầy đủ. Chúng ta hãy coi trọng nội dung vì đó là cốt lõi tạo nên giá trị bên trong, còn hình thức góp phần tạo nên cái đẹp, cái bền cho vật dụng. Khi đánh giá ta phải coi trọng chất lượng của sự vật cũng như khi nhận xét về một con người ta phải chú ý đến hiệu quả công việc của họ, xem xét mối quan hệ tình cảm của họ đối với gia đình, xã hội. Đó là cơ sở, cách áp dụng đúng đắn nhất cho phương châm xử thế mà câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” đã khuyên dạy chúng ta có cách nhìn toàn diện về nội dung lẫn hình thức. Hiểu được câu tục ngữ, vận dụng nó một cách đúng đắn chúng ta sẽ bớt nhầm lẫn, vấp ngã trong cuộc đời, trong thực tiễn công tác và đồng thời ta cũng biết cách tự rèn luyện nâng cao mình hơn nữa.

Trong hoạt động thực tiễn, cần phải linh động, sáng tạo sử dụng nhiều

hình thức khác nhau, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động cách mạng trong những giai đoạn cách mạng khác nhau.

Cần thường xuyên đổi mới nội dung và hình thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới. Vì nội dung và hình thức luôn gắn bó với nhau trong quá trình vận động, phát triển của sự vật, do vậy, trong lãnh đạo cách mạng Đảng ta đã không tách rời, tuyệt đối hóa giữa nội dung và hình thức trong cuộc cách mạng cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Với nhận thức đúng đắn, Đảng ta đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước (1986), từ nền kinh tế tập trung bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, kết quả trong hơn hai mươi bảy năm qua đã là minh chứng cho sự vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức nói riêng.

### **1.3. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

#### **1.3.1. Phương pháp giảng dạy và vai trò của phương pháp giảng dạy**

*Phương pháp* không chỉ là vấn đề lý luận mà còn là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn to lớn, bởi vì chính phương pháp góp phần quyết định thành công của mọi quá trình hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. *Phương pháp là công cụ, giải pháp, cách thức, thủ pháp, con đường, bí quyết, quy trình công nghệ để chúng ta thực hiện một mục đích nhất định.*

\* Phương pháp có 3 đặc trưng cơ bản:

- Phương pháp luôn gắn với những tư tưởng cơ bản, có tính nguyên tắc, định hướng chỉ đạo hoạt động, đó chính là các quan điểm tiếp cận đối tượng.
- Phương pháp là một hệ thống các phương thức hoạt động, bao gồm thủ pháp, các thao tác hoạt động có kỹ thuật, đó là các phương pháp cụ thể.



- Phương pháp là hệ thống các quy trình hoạt động, là trình tự các bước đi, bao gồm lôgic tiến trình và lôgic nội dung của hoạt động. Phương pháp có tính quy trình.

PPGD là lĩnh vực rất phức tạp và đa dạng, có nhiều quan niệm, quan điểm khác nhau về PPGD. Nhưng nhìn chung PPGD được hiểu là *cách thức hoạt động chung giữa giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học*.

PPGD là những hình thức và cách thức hoạt động của giáo viên và học sinh trong những điều kiện dạy học xác định nhằm đạt mục đích dạy học. PPGD là những hình thức và cách thức, thông qua đó, giáo viên và học sinh linh hoạt những hiện thực tự nhiên và xã hội xung quanh trong những điều kiện học tập cụ thể. Cách thức hoạt động bao giờ cũng diễn ra trong những hình thức cụ thể. Cách thức và hình thức không tách rời nhau một cách độc lập. PPGD là con đường để đạt mục đích dạy học.

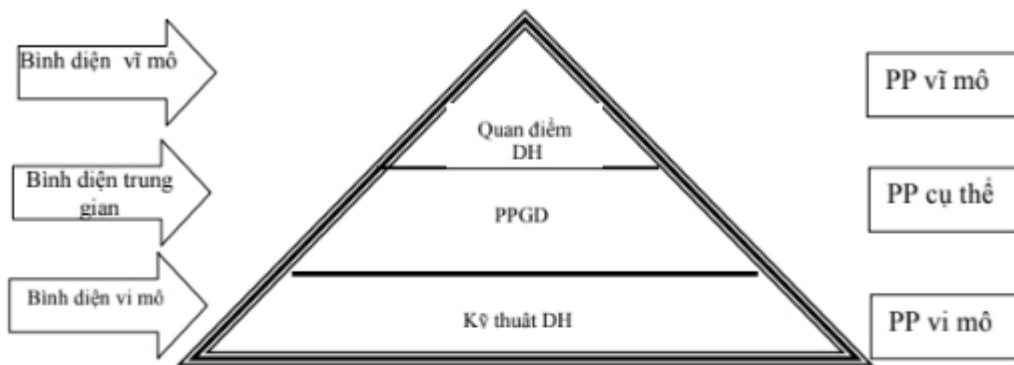
PPGD có thể được chia theo 3 cấp độ (mang tính tương đối): Cấp độ vĩ mô (quan điểm dạy học), cấp độ trung gian ( PPGD cụ thể) và cấp độ vi mô (kỹ thuật dạy học).

- Quan điểm dạy học là những định hướng mang tính chiến lược, cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của PPGD.

- PPGD cụ thể là những cách thức, kỹ năng, con đường để dẫn đến mục tiêu của bài học.

- Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hoạt động của giáo viên và học sinh trong các tình huống/hoạt động nhằm thực hiện, giải quyết một nhiệm vụ, nội dung cụ thể.

Mối quan hệ giữa quan điểm dạy học, PPGD cụ thể và kỹ thuật dạy học được thể hiện ở sơ đồ sau:



### 1.3.2. Biện chứng giữa nội dung và hình thức trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn GDCD

Trong giáo dục và đào tạo, nhà trường đóng vai trò quan trọng, là đơn vị nhỏ nhất thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường là nơi thực thi nhiệm vụ giáo dục đào tạo, nơi mà kiến thức của giáo viên được trang bị cho học sinh thông qua hoạt động giảng dạy; còn học sinh chủ động lĩnh hội kiến thức thông qua hoạt động học và kiểm tra. Nhà trường là nơi thực hiện PPGD được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Có thể nói, mọi hoạt động của nhà trường đều nhằm hoàn thành mục tiêu nào đó của giáo dục - đào tạo đề ra. Nếu nhà trường có một PPGD tốt thì học sinh sẽ tích cực, hăng say, miệt mài học tập và kết quả giáo dục của nhà trường sẽ được nâng cao. Ngược lại, nếu PPGD của nhà trường không tốt sẽ không thu hút được học sinh theo học, học sinh tiếp thu kiến thức khó khăn hơn, dẫn đến kết quả học tập của học sinh trường đó thấp. PPGD của mỗi thầy cô giáo sẽ quyết định thành quả của nhà trường trong hệ thống giáo dục, từ đó mà quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường.

Một trong những trọng tâm của đổi mới giáo dục hiện nay là đổi mới PPGD, thực hiện dạy học dựa vào hoạt động tích cực, chủ động của học sinh với sự tổ chức và hướng dẫn của giáo viên nhằm phát triển tư duy độc lập,

sáng tạo, góp phần hình thành phương pháp và nhu cầu tự học, bồi dưỡng hứng thú học tập, tạo niềm tin và niềm vui trong học tập. Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/ 2006/QĐ- BGDĐT ngày 5/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu: Phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc trưng của môn học, đặc điểm đối tượng học sinh, điều kiện của từng lớp học; bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học, khả năng hợp tác; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú và trách nhiệm học tập cho học sinh.

Đối với môn GDCD ở các trường THPT ở Phú Yên, đổi mới PPGD là yêu cầu cấp bách trong thời đại ngày nay. Vấn đề đặt ra là đổi mới PPGD theo hướng tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh là thế nào? Vận dụng các PPGD hiện đại ra sao? Vấn đề đặt ra là PPGD truyền thống có nên sử dụng nữa hay không? Đổi mới PPGD bộ môn như thế nào cho hiệu quả, để mỗi giờ dạy, học môn GDCD lại đem đến cho học sinh đam mê, sự hứng thú trong học tập?

Trước hết, đổi mới phải được hiểu không phải là phủ định sạch trơn, phá bỏ hoàn toàn cái cũ để thay thế bằng cái mới mà là một quá trình phủ định biện chứng, trên cơ sở cái cũ, phát huy mặt tích cực của cái cũ, kết hợp với các PPGD mới, trang thiết bị hiện đại nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho người học. Về vấn đề đổi mới PPGD, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Vinh Hiển cho rằng, đổi mới PPGD không có nghĩa phải lập tức bỏ PPGD cũ, không nhất thiết phải thay đổi nội dung của sách giáo khoa. Theo ông, sách giáo khoa, sách giáo viên không phải là “cồng số tám” như nhiều người thường nghĩ, mà xét về PPGD thì sách giáo khoa, sách giáo viên chỉ là những người hướng dẫn, những định hướng được cho rằng là tốt nhất.

Đổi mới PPGD bộ môn GDCD theo hướng “lấy người học làm trung

tâm” thực chất là nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Theo Giáo sư Trần Bá Hoành, những dấu hiệu đặc trưng của PPGD tích cực là: Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động của học sinh; dạy học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác; kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò. Có thể hiểu đổi mới PPGD bộ môn GDCD là việc sử dụng các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của môn học, bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm và đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh trong học tập môn GDCD.

Cốt lõi của đổi mới PPGD là hướng tới hoạt động học tập chủ động, tích cực, chống lại thói quen học tập thụ động của học sinh. Trong giờ học môn GDCD, phải cuốn hút học sinh vào các hoạt động học tập do giáo viên thiết kế, tổ chức và hướng dẫn, qua đó học sinh có thể tự khám phá và chiếm lĩnh nội dung bài học, học sinh sẽ hứng thú, thông hiểu và ghi nhớ những gì các em nắm được qua hoạt động chủ động, tích cực của chính mình. Quá trình sử dụng các PPGD phải huy động, khai thác tối đa vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống của học sinh; tạo cơ hội, động viên và khuyến khích các em bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân về vấn đề đang học như những vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, pháp luật,...

Trọng tâm của đổi mới PPGD là hướng tới hoạt động học tập tích cực, chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động: đổi mới nội dung và hình thức hoạt động của giáo viên và học sinh, đổi mới hình thức tổ chức dạy học, đổi mới hình thức tương tác trong dạy học với định hướng:

- + Bám sát mục tiêu giáo dục phổ thông;
- + Phù hợp với nội dung dạy học cụ thể;
- + Phù hợp với đặc điểm lứa tuổi học sinh;

- + Phù hợp với cơ sở vật chất, các điều kiện dạy học của nhà trường;
- + Phù hợp với việc đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả dạy- học;
- + Kết hợp giữa việc tiếp thu và sử dụng có chọn lọc, có hiệu quả các PPGD tiên tiến, hiện đại với việc khai thác những yếu tố tích cực của các PPGD truyền thống;
- + Tăng cường sử dụng các phương tiện dạy học, thiết bị dạy học và đặc biệt lưu ý đến những ứng dụng của CNTT.

Mục đích của việc đổi mới PPGD ở trường phổ thông là thay đổi lối dạy học truyền thụ một chiều sang dạy học theo “*Phương pháp dạy học tích cực*” nhằm giúp học sinh phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, tinh thần hợp tác, kỹ năng vận dụng kiến thức vào những tình huống khác nhau trong học tập. Làm cho “học” là quá trình kiến tạo, học sinh tìm tòi, khám phá, phát hiện, luyện tập, khai thác và xử lý thông tin, tự hình thành năng lực và phẩm chất. Tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh, dạy học sinh tìm ra chân lý. Chú trọng hình thành các năng lực (tự học, sáng tạo, hợp tác) dạy phương pháp và kỹ thuật lao động hoa học, dạy cách học. Học để đáp ứng những yêu cầu của cuộc sống hiện tại và tương lai. Những điều đã học cần thiết, bổ ích cho bản thân học sinh và cho sự phát triển xã hội.

Trước tình hình đó, ở nhiều nước trên thế giới, các PPGD mới dựa trên quan điểm phát huy tính tích cực của học sinh, đề cao vai trò tự học của học sinh, kết hợp với sự hướng dẫn của giáo viên đang được áp dụng rộng rãi. Sự thay đổi này đã làm thay đổi không chỉ cách giảng dạy mà còn thay đổi cả việc tổ chức quá trình giáo dục, ứng dụng những công nghệ dạy học, phương tiện kỹ thuật trong giảng dạy... do đó, khắc phục được nhược điểm của các phương pháp cũ, tạo ra một chất lượng mới cho giáo dục – đào tạo.

Ở nước ta, trong quá trình cải cách giáo dục – đào tạo, mục tiêu,

chương trình, nội dung giáo dục – đào tạo đã thay đổi nhiều lần cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đã đạt được những tiến bộ đáng khích lệ. Tuy nhiên, những thay đổi về phương pháp còn quá ít, quá chậm. Phương pháp đang được sử dụng phổ biến trong các trường đại học chủ yếu là thuyết giảng có tính chất áp đặt của giáo viên, coi nhẹ hoạt động tích cực, chủ động của học sinh. Sự chậm trễ đổi mới PPGD ở đại học là trở ngại lớn cho việc thực hiện mục tiêu giáo dục mà Đảng ta đã đề ra là “đào tạo người lao động tự chủ năng động, sáng tạo”. Để khắc phục tình trạng này, Nghị quyết TƯ 2, Khóa VIII, BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ: Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo cho người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học. Phát triển phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân nhất là trong thanh niên.

Về vấn đề đổi mới PPGD, Phó Thủ tướng nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân cho rằng: Đổi mới PPGD đã có từ lâu nhưng chưa có được một mô hình để phổ biến rộng rãi; đổi mới PPGD không phải từ trên đưa xuống mà phải xuất phát từ cơ sở và từ cơ sở mới thúc đẩy bộ máy quản lý. Từ cơ sở mới tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng. Theo ông Nguyễn Thiện Nhân thì ở các nước, việc học sinh đánh giá và nhận xét giáo viên đã có từ lâu, còn ở nước ta mới có và còn đang thực hiện. Ông cho rằng, nên coi học sinh như đồng tác giả của quá trình giáo dục. Người giáo viên phải có công nghệ, thiết kế qui trình bài giảng mới để thu hút học sinh vào bài giảng. Phải có tư liệu cuộc sống, phải có kiến thức cập nhật hàng ngày bổ sung vào bài giảng, ngoài kiến thức sách giáo khoa.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Phạm trù nội dung và hình thức là một trong những chủ đề lớn thu hút sự quan tâm của các nhà triết học phương Đông, phương Tây từ thời cổ đại cho đến nay luận giải. Trên lập trường duy vật biện chứng, chủ nghĩa Mác – Lênin đã xây dựng nên một hệ thống quan điểm đúng đắn, khoa học về nội dung hình thức và mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức. Trong đó, triết học Mác – Lênin khẳng định, nội dung và hình thức có quan hệ thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau, nội dung quyết định hình thức và hình thức có tính độc lập tương đối tác động trở lại nội dung.

Trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, soi rọi vào hoạt động giảng dạy, nhất là hoạt động giảng dạy môn GDCD ở các trường THPT nói chung và các trường THPT ở tỉnh Phú Yên nói riêng hiện nay nhằm phát hiện những vấn đề bất cập đang trở thành một yêu cầu cấp thiết.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở PHÚ YÊN HIỆN NAY

#### 2.1. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ

##### 2.1.1. Môn GDCD ở các trường THPT

Chương trình môn GDCD ở trường THPT được xây dựng dựa trên các môn khoa học cơ bản như: Triết học, Đạo đức học, chính trị – kinh tế học, Xã hội học, Luật học và nội dung đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, môn GDCD còn có sự tích hợp nhiều nội dung giáo dục xã hội cần thiết như: giáo dục kỹ năng sống, giáo dục văn hóa hòa bình, giáo dục môi trường, giáo dục giới tính, giáo dục dân số - sức khỏe sinh sản vị thành niên, giáo dục phòng tránh HIV/AIDS,...

Việc xây dựng chương trình môn GDCD ở trường THPT đảm bảo tính liên thông với chương trình môn Đạo đức ở Tiểu học và chương trình môn GDCD ở trường Trung học cơ sở. Nội dung môn GDCD phải gắn bó chặt chẽ với cuộc sống của học sinh, gắn liền với các sự kiện trong đời sống đạo đức, chính trị, kinh tế - xã hội, pháp luật của địa phương, của đất nước.

##### 2.1.2. Vai trò của môn GDCD trong hệ thống chương trình giáo dục phổ thông

Trong hệ thống các môn học ở trường phổ thông, môn GDCD có vị trí hàng đầu trong việc định hướng phát triển nhân cách của học sinh. Vị trí của môn GDCD ở trường phổ thông đã được xác định trong Chỉ thị số 30/1998/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 5 năm 1998: *Môn GDCD ở trường THPT có vị trí hàng đầu trong việc định*



*hướng phát triển nhân cách của học sinh thông qua việc cung cấp hệ thống tri thức cơ bản về giá trị đạo đức - nhân văn, đường lối chính sách lớn của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kế thừa các truyền thống đạo đức, bản sắc dân tộc Việt Nam; trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiếp thu những giá trị tốt đẹp của nhân loại và thời đại.*

Cùng với đó, môn GDCD ở trường THPT trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản, phù hợp với lứa tuổi về hệ thống các giá trị đạo đức, pháp luật, văn hóa, lối sống của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Do đó, môn GDCD giữ vai trò chủ chốt trong việc giáo dục cho học sinh ý thức và hành vi của người công dân. Môn GDCD có vai trò quan trọng trong việc phát triển tâm lực – một thành tố cơ bản của nhân cách và là nội lực của sự phát triển nhân cách học sinh.

Nội dung môn GDCD góp phần hướng học sinh vươn tới những giá trị cơ bản của người công dân Việt Nam trong giai đoạn đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó không những trang bị cho học sinh những kiến thức giáo dục cơ bản mà còn giúp cho học sinh nâng cao nhận thức xã hội; biết tự điều chỉnh hành vi, thói quen trong hoạt động và cuộc sống hằng ngày.

Mặt khác, theo PGS.TS Ngô Đình Xây, bất kỳ ở đâu và ở bất kỳ thời đại nào, vấn đề giáo dục đạo đức công dân bao giờ cũng phải được chú ý và là vấn đề có ý nghĩa quyết định chiều hướng vận động và sự hưng thịnh của một quốc gia, một chế độ. Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế như hiện nay, vấn đề giáo dục đạo đức công dân, đặc biệt cho lứa tuổi học sinh càng trở nên quan trọng và cấp thiết. Không phải ngẫu nhiên mà ngày 15/5/2012 vừa qua tại Liên Hợp Quốc, UNESCO đã tổ chức hội thảo với tiêu đề “*Giáo dục đạo đức phải trở thành vấn đề quan trọng*”, qua đó khẳng định vai trò quan trọng của việc tăng cường trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức ở tất cả các khu vực trên toàn cầu. Cũng chính vì

lẽ đó mà từ năm 2011, UNESCO đã thúc đẩy việc thành lập Hiệp hội quốc tế về đạo đức trong giáo dục nhằm khuyến khích các nước trên thế giới đưa giáo dục đạo đức trở thành vấn đề học thuật nghiêm túc và quan trọng để đáp ứng những thách thức về tiến bộ khoa học trên toàn cầu.

## **2.2. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TỈNH PHÚ YÊN HIỆN NAY**

### **2.2.1. Nhân tố khách quan**

Là một bộ phận trong hệ thống chương trình giáo dục, việc giảng dạy và học tập môn GDCD chịu sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau, cụ thể:

*- Nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của môn học*

GDCD là môn học đóng vai trò quan trọng, là cơ sở và là nền tảng để xây dựng nên những công dân tốt, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và môi trường tự nhiên. Thông qua đó, không chỉ trang bị cho học sinh những tri thức đạo đức mà điều quan trọng là rèn luyện cho học sinh thói quen, kỹ năng và biến thành những hành vi cụ thể trong quan hệ giao tiếp, ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung của xã hội... Mặc dù đóng vai trò hết sức quan trọng như vậy, song do nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận người học, nhất là phụ huynh khi xem đây chỉ là môn phụ, không nằm trong những môn sẽ thi tốt nghiệp hay đại học, cao đẳng nên dẫn tới việc xem thường môn học này. Một vấn đề cũng rất đáng lo ngại là ngay trong chính bản thân ngành giáo dục của tỉnh Phú Yên vẫn còn tồn tại một số quan điểm xem nhẹ vai trò môn GDCD.

Bên cạnh đó, một sự thật cũng rất đáng buồn nhất là ngay bản thân một số giáo viên giảng dạy, nhất là các giáo viên giảng dạy môn GDCD cũng nhận thức không đúng về vị trí và vai trò của môn học trong hệ thống các môn khoa học ở trường THPT, dẫn đến thái độ sai lầm: Coi môn GDCD là môn

học chính trị thuần túy, giờ dạy của giáo viên chỉ mang tính chất tuyên truyền, giáo huấn, thuyết minh những luận điểm triết học khô khan, thuyết minh thụ động, mang tính áp đặt của giáo viên về chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước mà không chú ý tới tri thức thực sự khoa học và hữu dụng của môn học. Coi môn học GDCD ở trường THPT là môn học phụ, môn học bổ trợ mà chưa thấy được tri thức của môn học góp phần hình thành nên thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học cho người học, trang bị cho học sinh những hành trang cần thiết khi bước vào cuộc sống.

*- Truyền thống đạo đức, văn hóa*

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã hun đúc nên một bề dày về truyền thống đạo đức và văn hóa. Chính những giá trị đó đã sản sinh ra những thế hệ con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, sẵn sàng xả thân để cứu nước, thương yêu con người, thương yêu đồng loại, có tinh thần chịu đựng gian khổ, khó khăn... Những đức tính đó đã trở thành truyền thống mà hàng ngàn đời nay, những thế hệ con người Việt Nam đã nâng niu, gìn giữ, đó là những giá trị tinh thần, tư tưởng, tâm lý như lòng yêu nước, tính cần cù, óc sáng tạo, hài hước, trọng nhân nghĩa, kính thầy, ham học,... những giá trị tốt đẹp đó có tác dụng củng cố, phát triển các mối quan hệ xã hội, tạo ra sức mạnh cho con người vượt qua khó khăn trong cuộc sống hiện tại để phát triển xã hội và hoàn thiện nhân cách. Truyền thống ấy là dòng chảy xuyên suốt chiều dài và chiều sâu của của lịch sử dân tộc tạo nên một nền văn hiến Việt Nam giàu bản sắc, đượm tình người, nhân văn, nhân ái,.. Truyền thống ấy được nâng lên tầm cao mới khi nó được khúc xạ qua một nền giáo dục tiên tiến - nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Trong hệ thống những giá trị đó, truyền thống đạo đức đóng một vai trò hết sức quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng quan niệm rằng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có

gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân." [34, tr.252.253]. Truyền thống đạo đức của xã hội lại được biểu hiện một cách sinh động thông qua truyền thống của mỗi gia đình, dòng tộc. Đây chính là những nhân tố có tác động sớm và mạnh mẽ đối với cá nhân trong cộng đồng. Bởi vì, ở đó có quan hệ huyết thống, quan hệ kinh tế và đặc biệt là truyền thống văn hóa của gia đình. Nền nếp sinh hoạt gia đình, những giá trị xã hội được cha mẹ, ông bà, anh chị em chọn lựa là những giá trị có tác động mạnh mẽ nhất đến học sinh, học sinh được tiếp nhận và thực hiện đầy đủ nhất. Biết vậy, nhưng không phải ai cũng đã biết cách giữ gìn, tu dưỡng tốt đạo đức của mình, học sinh ngày nay chạy theo lối sống hưởng thụ, bỏ qua những giá trị đạo đức truyền thống đã trở thành nền tảng cốt yếu của con người. Vấn đề này đặt ra thách thức lớn cho các nhà giáo dục và những người có trách nhiệm.

Xã hội đang trong quá trình phát triển, chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với đặc điểm ấy của nền kinh tế, nhiều giá trị đạo đức cũng có những thay đổi, cũ mới đan xen. Mặt khác, đất nước ta từ nông nghiệp lạc hậu đang trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, cũng tạo không ít những đổi thay về giá trị xã hội. Nếu nói đạo đức là những giá trị đảm bảo quyền lợi của tập thể, của cộng đồng, thì sự thay đổi kinh tế nói trên dễ làm mất đi những giá trị đạo đức nếu không được giáo dục tốt. Lợi ích giữa cái riêng và cái chung khó được giải quyết hài hòa, mà cái riêng ích kỷ dễ lấn át cái chung làm mất giá trị nhân văn trong cuộc sống con người. Đây chính là khó khăn cơ bản và nặng nề đối với việc giáo dục đạo đức – công dân trong nhà trường hiện nay.

*- Điều kiện cơ sở vật chất và phương tiện, thiết bị phục vụ giảng dạy*

Mặc dù chỉ là những yếu tố hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy và học tập. Song, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện phục vụ giảng

dạy và học tập lại có ảnh hưởng không nhỏ đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy và học nói chung cũng như việc dạy và học môn GD&ĐT nói riêng.

Chính điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập góp phần quan trọng vào việc tạo dựng môi trường giảng dạy và học tập thuận lợi, nhất là việc triển khai và ứng dụng các phương pháp giảng dạy tích cực. Với một điều kiện tốt về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập sẽ tạo nên hứng thú cho cả giáo viên và học sinh khi thực hiện quá trình dạy và học. Ngược lại, sẽ là một trở ngại, lực cản cho việc đổi mới hoạt động giảng dạy và học tập, ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng dạy học.

### **2.2.2. Nhân tố chủ quan**

*- Về phía giáo viên - chủ thể truyền đạt*

Đây là một trong những nhân tố quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giảng dạy môn GD&ĐT ở các trường THPT hiện nay. Bởi, giáo viên chính là người tổ chức và điều khiển quá trình dạy và học. Do đó, chất lượng đội ngũ giáo viên cả về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cũng như phương pháp giảng dạy là yếu tố cần được quan tâm hàng đầu.

Tuy nhiên, qua thực tế có thể nhận thấy, phần lớn giáo viên vẫn lên lớp bằng phương pháp truyền thống: thầy đọc, trò chép, tạo cảm giác mệt mỏi, thụ động đối với học sinh trong việc tiếp nhận kiến thức. Một số giáo viên lên lớp với tâm lý cho rằng, môn của mình là môn phụ nên ít có sự quan tâm, đầu tư trong việc soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng trực quan và ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng. Bên cạnh đó, do phải dạy chéo, dạy không đúng chuyên môn nên các giáo viên cũng kém phần nhiệt huyết với môn học, không có sự đầu tư công phu cho bài giảng, tiết giảng. Có chăng, chỉ là trong các tiết giảng dự giờ, đánh giá giáo viên nên chất lượng không cao, thậm trí

việc truyền thụ hết những tri thức cơ bản của bài học cho học sinh cũng là trở ngại lớn đối với một số giáo viên phải dạy kiêm nhiệm.

Đa số giáo viên giảng dạy bộ môn GDCD trong tỉnh Phú Yên đã nhận thức được tầm quan trọng của đổi mới PPGD, đã mạnh dạn thực hiện và bước đầu đạt được những kết quả khả quan, đáng khích lệ. Tuy nhiên, những giờ dạy học như thế không nhiều. Và trong thực tế vẫn còn một bộ phận giáo viên chưa “nhập cuộc”, vẫn lên lớp “dạy chay”, giảng dạy với những phương pháp rất đỗi quen thuộc: chỉ thuyết trình, đọc chép, thuyết trình kết hợp một số rất ít các câu hỏi đàm thoại, độc thoại một chiều, rao giảng đạo lý, lệ thuộc nhiều vào sách giáo khoa, thiếu sáng tạo trong tổ chức các hoạt động dạy học. Điều đó có thể do giáo viên ngại đổi mới mà cũng có thể là do giáo viên lúng túng chưa biết nên đổi mới như thế nào cho phù hợp. Thực tế đó cho chúng ta thấy rằng, cần phải đổi mới PPGD môn GDCD.

Mặt khác, về số lượng giáo viên, tuy có nhiều tiến bộ so với trước nhưng về cơ bản chúng ta vẫn thiếu rất nhiều giáo viên GDCD được đào tạo theo đúng chuyên ngành. Quá nửa số giáo viên GDCD hiện nay đang là giáo viên dạy chéo môn và được đào tạo ghép môn. Số giáo viên có nhu cầu được đào tạo nâng cấp trình độ còn rất thấp. Đa số giáo viên chỉ có nhu cầu được bồi dưỡng thường xuyên. Còn về chất lượng giáo viên, do được đào tạo nhiều nguồn khác nhau, ở những giai đoạn khác nhau nên chất lượng giáo viên chưa đồng đều, năng lực thực tế của giáo viên có sự khác nhau cơ bản. Do nhiều nguyên nhân, một bộ phận giáo viên còn chưa tâm huyết với nghề, chưa nắm vững kiến thức cơ bản, chưa cập nhật được kiến thức mới, chưa chú ý kết hợp giữa tính khoa học và tính giáo dục, chưa chú ý đầu tư đổi mới PPGD và kiểm tra đánh giá. Quy mô đào tạo giáo viên GDCD ở các trường sư phạm những năm gần đây có sự giảm sút. Các trường đại học, cao đẳng sư phạm chủ yếu đào tạo ghép, trong đó môn “ghép” là GDCD.

Mặt khác, chương trình và phương thức đào tạo giáo viên trong các trường sư phạm chậm đổi mới, chất lượng đào tạo còn thấp. Lực lượng giảng viên GDCD ở các khoa, trường sư phạm đang thiếu hụt nghiêm trọng, đặc biệt là giảng viên đã qua đào tạo chính quy về ngành luật. Công tác bồi dưỡng giáo viên được tiến hành thường xuyên nhưng chưa thật hiệu quả, nhiều khi còn mang tính hình thức. Chế độ đãi ngộ cho giáo viên chưa phù hợp với công việc mà họ đảm nhiệm, trong khi thu nhập của giáo viên GDCD chủ yếu từ đồng lương ít ỏi.

*- Về phía học sinh – nơi tiếp nhận thông tin*

Giáo dục đạo đức cho công dân là yêu cầu khách quan của sự nghiệp "trồng người", nó giúp đào tạo ra thế hệ vừa "hồng" vừa "chuyên" nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn thế, việc học tập các nội dung của môn GDCD còn là nhu cầu tự thân của chính bản thân học sinh.

Tuy nhiên, hiện nay trong mắt các em học sinh, môn GDCD luôn "bị coi" là môn phụ và giờ học môn này được ví như là "những giờ tra tấn tinh thần", học sinh không mặn mà với môn GDCD vì các lí do khác nhau. Đầu tiên là ở các em quan niệm đây là môn phụ dạng vô thưởng, vô phạt và không thi tốt nghiệp nên chỉ học cho có. Có nhiều học sinh nghe giảng một cách thụ động, ghi chép một cách thụ động và trở nên ngại ngùng khi phát biểu hoặc khi được hỏi về một vấn đề nào đó trong một tiết học. Việc học sinh ít phát biểu đã ảnh hưởng không nhỏ tới không khí học tập trong lớp, điều này tạo ra cảm giác chán nản cho chính giáo viên vì thấy bài giảng của mình chỉ có sự làm việc một chiều. Vấn đề học sinh thụ động, ít phát biểu dẫn đến việc thầy cô ngại thay đổi PPGD, cứ thế học sinh đã tự biến mình thành "con cá" chép hoàn hảo. Tiếp nữa là do chương trình học tích hợp quá nhiều thứ khiến các em mệt mỏi trong khi tiếp cận. Đối với các em, những vấn đề, nội dung càng

đơn giản càng tốt, còn kiến thức mang tầm cỡ vĩ mô quá thì các em rất khó tiếp thu và nhớ được.

Có rất nhiều học sinh không nhận thức được hết tầm quan trọng của môn GDCD và cho rằng đây là môn không quan trọng nên ít quan tâm, đầu tư thích đáng cho việc học. Cá biệt, có một số học sinh tỏ ra thờ ơ, hờ hững, thiếu nghiêm túc đối với môn học này. Với suy nghĩ phiến diện, lệch lạc, phần lớn học sinh chỉ học tù, học vẹt nhằm đối phó với giáo viên. Đến khi kiểm tra thì quay cóp, sử dụng tài liệu. Hiện tượng học sinh không mặn mà trong việc học môn GDCD đã tồn tại từ lâu, trở thành “nếp”, tạo nên sức ì về mặt tâm lý muốn khắc phục không là phải dễ dàng. Thực tế ấy đặt ra yêu cầu học sinh phải thay đổi phương pháp học, bởi vì chính tâm lý cũng như việc thụ động khiến cho học sinh trở nên khó khăn khi tiếp cận PPGD mới.

Học sinh không hứng thú học bộ môn GDCD, không mặn mà trong việc tiếp thu kiến thức, mục tiêu dạy người qua môn học này còn rất hạn chế. Điều đáng nói là ý thức đạo đức, pháp luật của học sinh ở những cấp học càng cao càng có chiều hướng đi xuống. Theo kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục Việt Nam (2012), tỉ lệ học sinh đi học muộn: Tiểu học 20%, THCS 21%, THPT 58%; tỉ lệ quay cóp: Tiểu học 8%, THCS 55%, THPT 60%; tỉ lệ nói dối cha, mẹ: Tiểu học 22%, THCS 50%, THPT 64%; tỉ lệ không chấp hành an toàn giao thông: Tiểu học 4%, THCS 35%, THPT 70%, ... Những con số này cho thấy, càng lớn ý thức đạo đức của học sinh càng đi xuống.

Tình trạng đạo đức, lối sống của một bộ phận giới trẻ có nhiều bất ổn, từ thái độ học tập, ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật của nhà trường, chấp hành pháp luật đến những hành vi tiêu cực trong học tập, thi cử của học sinh và sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội vào học đường.



### **2.3. TÌNH HÌNH GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở TỈNH PHÚ YÊN HIỆN NAY**

#### **2.3.1. Điều kiện địa lý tự nhiên và đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa giáo dục của Phú Yên**

\* Vị trí địa lý: Phú Yên là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 5.060 km<sup>2</sup>, phía Bắc giáp tỉnh Bình Định, phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk, phía Đông giáp biển Đông. Tỉnh Phú Yên có 09 đơn vị hành chính gồm các huyện: Đồng Xuân, Đông Hòa, Sông Hinh, Sơn Hòa, Phú Hòa, Tây Hòa, Tuy An, thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa (là trung tâm tỉnh lỵ).

Phú Yên có vị trí địa lý và giao thông tương đối thuận lợi, là nơi hội tụ, tiếp giáp nhiều tuyến giao thông quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội: Có quốc lộ 1A và đường sắt Bắc- Nam chạy qua, quốc lộ 25 nối Gia Lai, ĐT 645 nối Đắk Lắk, phía Nam có sân bay Tuy Hòa... Đây là điều kiện để trở thành cửa ngõ hướng ra phía Đông cho các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi của tỉnh, cầu nối giữa hai miền Nam- Bắc, mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ với các tỉnh, thành trong nước và các nước trong khu vực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

\* Địa hình, khí hậu: Thành phố Tuy Hòa nằm trong một vùng đồng bằng lớn vùng hạ lưu sông Đà Rằng. Địa hình chung nghiêng từ Tây sang Đông, với ba dạng địa hình xen kẽ giữa đồng bằng, đồi, cồn cát ven biển. Rừng và đồi chiếm 30% diện tích đất tự nhiên. Với địa hình dốc thoải đều từ cao nguyên Đắk Lắk ra biển dọc theo lưu vực sông Ba, thuận lợi cho việc phát triển giao thông, đặc biệt là xây dựng tuyến đường sắt đi Tây Nguyên. Với những lợi thế về giao thông, Phú Yên thực sự là điểm trung chuyển hàng hóa, cửa ngõ ra biển Đông của các tỉnh Tây Nguyên và các nước tiểu vùng sông Mê Kông.

Tỉnh Phú Yên mang những đặc điểm chung của khí hậu thủy văn nhiệt đới gió mùa thuộc miền khí hậu thủy văn phía Nam ở khu vực Nam Trung Bộ nhưng có một số nét đặc trưng: có hai gió mùa Đông Bắc và Tây Nam, nên nhiệt độ cao, nắng nhiều, mùa khô kéo dài, mùa mưa lũ tập trung vào 4 tháng cuối năm, thường gây lũ lụt vào tháng 10 và 11 hằng năm. Các cơn bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vào thị xã và các vùng ven biển gây thiệt hại lớn về người và của.

\* Đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa giáo dục:

- Tình hình dân số và lao động: Dân số trung bình của tỉnh Phú Yên (tính đến năm 2011) là 871.949 người, mật độ dân số năm 2010 là 172 người/km<sup>2</sup>. Tổng số lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân toàn tỉnh Phú Yên là 498.710 người. Trong đó, tỷ lệ lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp là 295.236 người chiếm 59,2%; khu vực công nghiệp - xây dựng là 81.789 người chiếm 16,4%; khu vực dịch vụ là 121.685 người chiếm 24,4% tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân.

- Kinh tế: Những năm gần đây, nền kinh tế ở tỉnh Phú Yên đạt được những thành tựu nổi bật sau: Ngành công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp có những đột phá mới, cùng với việc thực hiện tốt chính sách khuyến khích đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố, Tuy Hòa đã đẩy mạnh cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa”, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã. Hoạt động thương mại- dịch vụ cũng phát triển khá mạnh mẽ. Một điểm nhấn quan trọng trong bức tranh kinh tế của thành phố Tuy Hòa- Phú Yên là sự phát triển của ngành du lịch., sản xuất nông- lâm-thủy sản cũng có bước tiến vững chắc.

- Văn hóa giáo dục: Sự nghiệp giáo dục- đào tạo đạt được những thành tựu quan trọng, chất lượng dạy và học được nâng cao, mạng lưới trường học được bố trí hợp lý cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### 2.3.2. Tình hình giảng dạy và học tập môn GDCD

Với những nỗ lực của các cấp, các ngành, các nhà quản lý cùng đội ngũ các thầy giáo, cô giáo giảng dạy bộ môn GDCD ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên trong thời gian qua, hoạt động giảng dạy môn GDCD đã đạt được những kết quả nhất định. Việc giảng dạy môn GDCD trong trường THPT đã có những đóng góp quan trọng trong việc giáo dục học sinh có những hiểu biết đúng đắn về các nội dung cơ bản như: chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay; Hiểu các giá trị truyền thống văn hóa, đạo đức của dân tộc; về thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng. Từ đó, góp phần hình thành thái độ và hành vi đúng đắn cho học sinh.

Mặc dù đạt được những kết quả đáng khích lệ, song hoạt động giảng dạy môn GDCD ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên vẫn còn nhiều *hạn chế, bất cập*.

*Thứ nhất*, là về nội dung, kết cấu của môn học: Thực tế hiện nay chương trình môn học khá dài và nặng, nhiều nội dung sắp xếp chưa phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh THPT, thời lượng giảng dạy không đủ để giáo viên truyền tải nội dung khối lượng kiến thức đồ sộ, trừu tượng và khá phức tạp của môn học. Việc xây dựng kết cấu chương trình môn GDCD cho học sinh THPT bao gồm rất nhiều các bộ môn khoa học cơ bản khác nhau như: Triết học, Đạo đức học, Luật học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xã hội học,.. và các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Khối lượng kiến thức đa tầng, phức tạp trải dài và rộng trên nhiều lĩnh vực khoa học và cuộc sống như vậy, nhưng trong phân phối chương trình cấp THPT cho môn GDCD lại chỉ được 01 tiết/ tuần và áp dụng chung cho tất cả ba khối 10, 11

và 12. Chương trình này cũng được áp dụng cho cả ba ban: Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn và Ban Cơ bản (áp dụng từ năm học 2011 - 2012). Ngoài ra, môn học còn phải tích hợp rất nhiều các nội dung giáo dục xã hội cần thiết khác cho học sinh.

Trong chương trình môn GDCD lớp 10 với 16 bài và 01 bài thực hành ngoại khóa mà giáo viên và học sinh phải lĩnh hội các kiến thức về nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như: Triết học, Đạo đức học, Xã hội học, Những vấn đề của thời đại,.. là rất nặng và chưa thực sự phù hợp với khả năng, trình độ nhận thức của học sinh lớp 10. Với khối lượng kiến thức đa tầng và phức tạp như vậy, đòi hỏi người dạy và người học phải giải quyết một cách thấu đáo, triệt để thì quả thực không đơn giản. Các em phải nhận thức và giải quyết hàng loạt các vấn đề của triết học, đạo đức học, một số vấn đề nổi cộm, nhức nhối mang tầm vóc và hơi thở của thời đại.

Thời lượng giảng dạy quá ít, phần lớn các bài trong chương trình là 01 - 02 tiết, duy nhất trong chương trình có hai bài là được phân phối 04 tiết. Sách giáo khoa mặc dù đã có sự điều chỉnh, bổ sung nhưng vẫn còn khá dài, các định nghĩa, khái niệm làm công cụ nhận thức lại quá khô khan, trừu tượng dẫn đến việc học sinh học vẹt mà không hiểu bản chất. Thậm chí, ngay cả giáo viên giảng dạy môn GDCD lớp 10 mà không được đào tạo một cách quy lát cũng rất khó cắt nghĩa được một số khái niệm trong phần triết học, đạo đức học. Điều này đưa tới tình trạng không ít học sinh hiểu sai bản chất của các khái niệm.

*Thứ hai*, là về số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên: Hiện nay trên toàn tỉnh có 32 trường THPT (6,25% trường đạt chuẩn), tổng số giáo viên giảng dạy môn GDCD cấp THPT ở tỉnh Phú Yên là: 122 giáo viên (trong đó: giáo viên được đào tạo theo chuyên ngành Sư – GDCD: 98 giáo viên, giáo viên được đào tạo theo chuyên ngành GDCD: 24 giáo viên) nên chất lượng

giáo viên môn GDCD chưa đều và chưa cao. Công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đối với giáo viên GDCD chưa được quan tâm đúng mức, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy môn GDCD.

Mặc dù đội ngũ giáo viên giảng dạy môn GDCD đã có nhiều cố gắng trong việc đổi mới PPGD, nhiều giáo viên đã nghiên cứu những điểm mới của chương trình sách giáo khoa mới nên đã đảm bảo nội dung dạy học theo yêu cầu của chương trình môn GDCD. Tuy nhiên, cũng còn khá nhiều giáo viên chưa quán triệt yêu cầu dạy học theo chuẩn chương trình nên chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu về nội dung dạy học ở từng bài. Hiện tượng dạy học lệ thuộc vào sách giáo khoa, sách giáo viên, dạy chay còn phổ biến. Việc rèn luyện kỹ năng, giáo dục thái độ và hành vi của học sinh trong dạy học môn GDCD thực hiện chưa đạt được yêu cầu đề ra của chương trình. Trên thực tế, môn GDCD ở trường THPT nói chung, qua khảo sát một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên nói riêng còn bị xem nhẹ, coi là môn học phụ có vai trò thứ yếu và mờ nhạt trong nhà trường. Việc dạy và học thường diễn ra một cách khô khan và nặng nề, ít gây hứng thú cho học sinh.

*Thứ ba, về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học:* Theo ý kiến của Ban giám hiệu các trường trên địa bàn tỉnh thì trong số 5 tiêu chuẩn mà quy chế quy định thì tiêu chuẩn về cơ sở vật chất là khó đạt được nhất. Bởi hiện nay, phần lớn các trường THPT ở Phú Yên đang gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và thiết bị.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị tuy có tăng cường song vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ; một số nơi quỹ đất dành cho phát triển giáo dục còn thiếu, công tác xây dựng cơ bản còn chậm.

Thời gian gần đây, mặc dù Sở Giáo dục – Đào tạo tỉnh Phú Yên đã ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất trường học, trong đó chủ động xây dựng phòng học bộ môn, phòng thiết bị, cơ sở vật chất ở các trường phổ thông tuy nhiên vẫn

chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục, đặc biệt là yêu cầu xây dựng trường chuẩn quốc gia. Hầu hết diện tích các trường học còn quá chật hẹp so với quy mô trường lớp, thiếu phòng bộ môn, nhà công vụ.

Nhìn chung trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy bộ môn GDCD không có gì ngoài sách giáo khoa và sách giáo viên nên chưa đáp ứng được yêu cầu để giáo dục về đạo đức và pháp luật cho học sinh.

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDCD đang bước đầu được thực hiện nhưng chưa phổ biến. Bên cạnh đó, so với các môn khác thì môn GDCD rất ít tài liệu tham khảo, thiếu tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu trực quan minh họa cho bài học và băng hình thì không có. Tuy giáo viên có tự làm đồ dùng dạy học theo khả năng có thể nhưng tính khả thi và hiệu quả chưa cao. Nhiều nơi chủ yếu chỉ sử dụng các thiết bị dạy học môn học tối thiểu do Bộ quy định, chưa quan tâm đến việc tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDCD đang bước đầu được thực hiện nhưng còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

Vấn đề giáo dục ý thức trách nhiệm công dân, ý thức đạo đức, ý thức tôn trọng pháp luật thông qua môn học GDCD cho học sinh không phải là mới, nhưng nó đang là hồi chuông cảnh báo, đang là yêu cầu bức thiết đặt ra cho ngành giáo dục nói riêng và toàn xã hội nói chung. Bên cạnh những tấm gương hiếu học, biết vượt lên hoàn cảnh để sống, học tập và lao động và trở thành những công dân có ích cho xã hội, thì vẫn còn một bộ phận học sinh ham chơi, vi phạm pháp luật, thiếu kỹ năng sống, tự ti, không làm chủ được bản thân, dễ bị xã ngã trước những cám dỗ vật chất tầm thường. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận, đánh giá lại quá trình giáo dục đã thực sự toàn diện hay mới chỉ dừng lại ở khâu hiệu mang tính hô hào, cổ động.

### **2.3.3. Những nguyên nhân cơ bản**

Sở dĩ còn tồn tại những hạn chế, bất cập trên theo tôi, điều này xuất phát từ các nguyên nhân cơ bản sau:

+ Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn GDCD còn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Nhận thức của một bộ phận không nhỏ giáo viên về đổi mới PPGD còn chưa đầy đủ, việc áp dụng một số phương pháp mới vào giảng dạy còn mang tính hình thức, chưa hiệu quả. Ở nhiều nơi do thiếu giáo viên đứng lớp nên giáo viên dạy GDCD phải dạy nhiều tiết, nhiều lớp, chắm bài nhiều nên ít dành thời gian cho đổi mới phương pháp.

+ Một số trường đánh giá chưa đúng tầm quan trọng của môn học nên thiếu quan tâm, thậm chí bố trí giáo viên giảng dạy không đúng chuyên ngành về môn GDCD.

+ Kiến thức chương trình môn GDCD còn mang tính dàn trải, ôm đồm, tính trừu tượng, hàn lâm cao và chưa thực sự sinh động. Kết cấu chương trình còn nhiều điểm không hợp lý. Tài liệu, công cụ, phương tiện phục vụ cho công tác giảng dạy chưa đáp ứng được yêu cầu, gây khó khăn cho việc đổi mới phương pháp.

+ Các chủ trương đổi mới và phát triển giáo dục, đào tạo chậm được cụ thể hóa và triển khai chưa đồng bộ. Các cơ quan chức năng chưa nhận thức sâu sắc và thực hiện chưa đầy đủ quan điểm “Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của nhà nước và của toàn dân”, “ Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “Đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư cho phát triển”

Chính sách giáo dục - đào tạo chưa tạo được động lực, lôi cuốn được sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội. Một bộ phận phụ huynh học sinh chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập và sinh hoạt của con em mình. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường về giáo dục đạo đức có lúc có nơi chưa chặt chẽ.

+ Nhận thức của người học về vị trí, vai trò của môn học chưa cao, chưa thực sự chủ động trong việc tiếp cận tri thức.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Có thể khẳng định môn GDCD là một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống chương trình giáo dục ở cấp học THPT hiện nay. Nó là một trong những nhân tố quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng nhân cách cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập của đất nước.

Tuy nhiên, dưới tác động của các nhân tố như: Nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của môn học; Truyền thống đạo đức, văn hóa; Điều kiện cơ sở vật chất và phương tiện, thiết bị phục vụ giảng dạy, hoạt động dạy và học môn GDCD ở các THPT nói chung, nhất là ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên hiện nay đang gặp không ít những khó khăn, thách thức.

Mặc dù đã có được những bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học môn GDCD ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên, song do những nguyên nhân chủ quan và khách quan nên hoạt động dạy và học môn GDCD trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Do đó, để có những bước đột phá trong thời gian tới thì việc nghiên cứu, nắm vững và vận dụng sáng tạo quan điểm của nghĩa Mác – Lênin, nhất là quan điểm về cập phạm trù nội dung và hình thức vào việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy và học môn GDCD trên địa bàn tỉnh có ý nghĩa hết sức quan trọng.



**CHƯƠNG 3**  
**CÁC GIẢI PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ**  
**GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN**  
**TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**Ở PHÚ YÊN HIỆN NAY**

**3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH GIẢI PHÁP**

**3.1.1. Cơ sở lý luận**

Với quan điểm đã được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định “Giáo dục là quốc sách hàng đầu” và “đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển”. Trong những năm qua, nền giáo dục cách mạng nước ta đã đạt được những thành tựu đáng tự hào, góp phần quan trọng, quyết định trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Cùng với đó, đổi mới PPGD cũng là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm thực hiện đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục cho thế hệ trẻ. Chủ trương này đã được thể hiện rõ trong nhiều văn bản quan trọng của Đảng và Nhà nước như:

+ Nghị quyết 40/2000 – khóa X của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nêu rõ: Mục tiêu của việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông là xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, sách giáo khoa phổ thông mới, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thế hệ trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

+ Những định hướng đổi mới PPGD ở các môn học ở bậc THPT được đề cập trong các nghị quyết TW 4 khóa VII (tháng 1 năm 1993) đã xác định “phải khuyến khích tự học”, “áp dụng phương pháp dạy học hiện đại để bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề”.

+ Nghị quyết TW 2 khóa VIII (tháng 12 năm 1996) tiếp tục khẳng định “phải đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học”.

+ Định hướng đổi mới đã được thể chế hóa trong Luật giáo dục năm 2005, Điều 28 khoản 2 đã nêu rõ: Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh. Điểm cốt lõi của việc đổi mới PPGD ở trường THPT là tạo cho học sinh thói quen học tập chủ động, chống lại lề thói học tập thụ động trước đây.

+ Chỉ thị số 14/2002 của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra 4 nguyên tắc đổi mới chương trình sách giáo khoa, PPGD như sau:

\* Quán triệt mục tiêu, yêu cầu rõ nội dung và phương pháp giáo dục các bậc học theo luật giáo dục

\* Đảm bảo tính kế thừa và phát triển của chương trình giáo dục, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp thu những thành tựu giáo dục tiên tiến trên thế giới.

\* Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa, đảm bảo thống nhất về chuẩn kiến thức và kỹ năng, tăng cường tính liên thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục sau trung học, đồng thời có phương án áp dụng chương trình, sách giáo khoa phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các địa bàn khác nhau, chọn lọc đưa ra chương trình giảng dạy những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh, hết sức coi trọng tính thực tiễn, học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội.

\* Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả việc đổi mới chương trình và

phương pháp dạy và phương pháp học với việc đổi mới cơ bản và phương pháp đánh giá, thi cử, đổi mới đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Đổi mới cả công tác quản lý giáo dục, nâng cấp cơ sở vật chất của nhà trường theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo trang thiết bị dạy học hiện đại.

+ Ngày 4-11- 2013, Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết xác định quan điểm chỉ đạo: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực” [22, tr.128-129]

Qua đó, một lần nữa khẳng định: Đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.[63]

Cùng với đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã bắt đầu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW với nhiều bước cụ thể,

từ đổi mới chương trình giảng dạy ở các cấp học, bậc học, đổi mới sách giáo khoa đến đổi mới các kỳ thi tốt nghiệp và thi đại học, cao đẳng...

### **3.1.2. Cơ sở thực tiễn**

Có thể thấy rằng, đổi mới giáo dục nói chung và đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập môn GDCD riêng đang là một yêu cầu cấp bách của cuộc sống nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập.

Tuy nhiên, việc đổi mới cần được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, đảm bảo sự phù hợp với những biến động của đời sống xã hội, cũng như với lứa tuổi học sinh THPT, bởi đây là lứa tuổi có nhiều biến động về mặt tâm sinh lý, giàu nhiệt huyết, nhu cầu tự khẳng định cao, muốn được người lớn tôn trọng, tin tưởng và thừa nhận. Các em cũng rất ham hiểu biết, thích tìm tòi, sáng tạo. Mặt khác, nhu cầu giao tiếp ở lứa tuổi này cũng phát triển mạnh, đặc điểm tâm lý lứa tuổi này rất thuận lợi cho việc đổi mới PPGD

Bên cạnh đó, việc đổi mới cần khai thác một cách có hiệu quả kho tàng tri thức, cũng như kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới. Cần cập nhật kịp thời những khám phá mới của nhân loại.

## **3.2. CÁC GIẢI PHÁP**

Trong bối cảnh hiện nay, để cải thiện, nâng cao chất lượng dạy và học môn GDCD trong nhà trường phổ thông, trước hết cần nghiêm túc nhìn nhận lại vai trò, vị trí của môn học này trong hệ thống các môn học trong trường THPT, một mặt giúp chúng ta sửa chữa và tránh được những khuynh hướng sai lầm nêu trên; mặt khác giúp chúng ta đề ra các giải pháp cụ thể có tính khả thi để trả lại đúng vai trò, vị trí của môn học, làm cho môn GDCD trở về đúng nghĩa của nó. Để làm được điều đó, thiết nghĩ chúng ta cần thực hiện một cách đồng bộ và linh hoạt các giải pháp cơ bản sau:

### **3.2.1. Nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của môn học**

Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục, cũng như các chủ trương chính sách cụ thể đối với môn GDCD nhằm nâng cao vị thế của môn học trong cộng đồng. Qua đó, sớm khắc phục tâm lý chung của xã hội, khi cho rằng đây là môn học không quan trọng, mang tính bổ trợ, tri thức của nó xa rời cuộc sống. Bên cạnh đó, trong chính bản thân của quá trình dạy và học môn GDCD cần tạo nên những chuyển biến cụ thể trong nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh để từ đó làm thay đổi cách nhìn của xã hội đối với môn học.

Đặc biệt, cần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt nhận thức cho chính bản thân giáo viên và các nhà quản lý về vị trí và vai trò của môn học. Có như vậy, hoạt động giảng dạy và học tập môn GDCD mới có được những điều kiện cần thiết cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn học này.

Về phía gia đình, phụ huynh học sinh phải cũng cần nhận thức được vai trò, vị trí và tầm quan trọng của bộ môn GDCD, từ đó định hướng cho con em mình quan tâm môn học theo chiều hướng tích cực, “học để biết, học để làm, học để chung sống và học để làm người”. Có như thế thì môn GDCD mới có thể phát huy tối đa hiệu quả nhiệm vụ “dạy người” mà môn học này gánh vác trong nhà trường. Vị thế ấy cần được sớm trả lại, đặc biệt khi ngành giáo dục đang thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông cũng như đổi mới chương trình giáo dục đạo đức – công dân sau năm 2015.

### **3.2.2. Hoàn thiện nội dung môn học**

*- Về kết cấu của chương trình*

Chương trình môn GDCD ở cấp THPT với lượng kiến thức nhiều, đa dạng:

+ Lớp 10: Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học; Công dân với đạo đức

+ Lớp 11: Công dân với kinh tế; Công dân với vấn đề chính trị – xã hội

+ Lớp 12: Công dân với pháp luật

Chương trình sách giáo khoa có một số bất cập khiến cho cả giáo viên và học sinh khó tiếp thu. Triết học là môn học khó, nhưng lại được đưa ngay vào chương trình đầu tiên của lớp 10, khi học sinh bắt đầu vào trường cấp III. Thay vào đó, khi vào lớp 10, học sinh nên được giáo dục đạo đức, sức tiếp thu sẽ dễ dàng hơn. Thầy Châu Lý Vân, Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Trãi nói, môn GDCD còn “gánh” thêm quá nhiều nội dung khác như: phòng chống tội phạm, giáo dục giới tính, bảo vệ môi trường, giáo dục pháp luật, giáo dục về an toàn giao thông, giáo dục chính sách quốc phòng... Thấy dư luận xã hội lên tiếng học sinh thời nay thiếu kỹ năng gì là lập tức môn GDCD có “hàng đính kèm”. Đưa quá nhiều nội dung làm học sinh bội thực còn giáo viên nhiều khi không biết dạy gì. Vì thế, giáo viên cho biết việc giảng dạy nhiều lúc rất nặng tính hình thức. Ông Lê Duy Nhất, chuyên viên Phòng THPT Sở GD-ĐT tỉnh Phú Yên cho rằng, cần chất lọc, cô đọng lại nội dung môn GDCD. Bên cạnh đó nên giảm bớt khái niệm, phạm trù mà tăng cường những bài học kinh nghiệm, những mẫu chuyện, bài báo, tin tức. Đã gọi là GDCD thì nên tập trung vào giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Sau khi đã chuẩn bị cho học sinh một nền tảng đạo đức vững chắc cùng với kỹ năng sống thì lúc đó chắc chắn các em dễ dàng tiếp nhận những kiến thức cơ bản như triết học, kinh tế chính trị....

Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển cũng chỉ ra: Dạy và học Đạo đức - GDCD trong nhà trường phổ thông còn nhiều hạn chế, bất cập. Theo đánh giá chung, nội dung chương trình hiện hành còn nhiều điều chưa hợp lý, nặng giáo dục chính trị, nhẹ giáo dục kỹ năng sống, coi trọng lý thuyết, chưa chú ý vận dụng, thực hành, chưa yêu cầu thể hiện qua việc làm và hành vi cụ thể trong đời sống. Nhiều bài học trong sách giáo khoa môn GDCD còn khô

khan, gương ép, chưa phù hợp với đặc điểm tâm lý, tình cảm của học sinh. Một số kiến thức triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học... còn khá trừu tượng, khó hiểu đối với học sinh phổ thông, chưa chú ý đúng mức tính liên thông, tích hợp nội dung dạy học môn GDCD với các môn học khác.

Nhiều bài học trong sách giáo khoa môn GDCD còn khô khan, gương ép, chưa phù hợp với đặc điểm tâm lý, tình cảm của học sinh. Một số kiến thức triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học... còn khá trừu tượng, khó hiểu. Về nội dung chương trình của môn học này, cô Trương Thị Ngọc Thạnh - giáo viên GDCD Trường THPT Ngô Gia Tự, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên cho biết: Trong sách có quá nhiều những nội dung từ triết học, pháp luật, các vấn đề về bảo vệ môi trường, giao thông, tình yêu, hôn nhân... được tích hợp lại tất cả với nhau làm cho học sinh khi tiếp cận cảm thấy rất căng thẳng. Đơn cử ở sách cũ các vấn đề Tình yêu - Tình bạn - Hôn nhân, gia đình được tách riêng ra thành những bài riêng biệt và được dạy trong nhiều tiết thì ở chương trình sách hiện tại lại gộp chung vào thành bài: “Công dân với tình yêu, hôn nhân và gia đình” làm cho khối lượng kiến thức trong một bài giảng quá nhiều. Thêm một lí do nữa là với số lượng tiết học 1 tiết/tuần mà kiến thức nhiều thì việc học sinh không muốn học là chuyện không khó hiểu. Không chỉ thế, đối với giáo viên cũng tạo tâm lý vì không có nhiều thời gian giảng giải cho học sinh cận kề các nội dung đó nên cũng chỉ dạy dưới hình thức “cưỡi ngựa xem hoa” cho xong.

Trên thực tế, việc lồng ghép hoạt động khác vào bộ môn này hoàn toàn không hiệu quả vì thời lượng quá ít. Với 1 tiết/tuần may ra chỉ đủ để giáo viên giới thiệu kiến thức trọng tâm chứ khó lòng dẫn chứng thực tế hay phối hợp hoạt động. Thầy Võ Viên, tổ trưởng bộ môn Sử - GDCD trường Lê Hồng Phong - Huyện Tây Hòa - Phú Yên thẳng thắn nhìn nhận: Với thời lượng quy định dạy một tiết trên tuần quá ít, trong khi yêu cầu và đòi hỏi của nhà trường

thì quá nhiều... Ngoài việc đảm bảo nội dung chương trình giáo viên bộ môn GDCD phải sắp xếp, phân bổ bài giảng làm sao để tích hợp, lồng ghép hàng loạt các yêu cầu mà xã hội, nhà trường đòi hỏi khiến nhiều giáo viên phải chạy đua với thời gian. Tiết dạy dù được giáo viên chuẩn bị rất công phu, nhưng vẫn không tránh khỏi việc nặng tính hình thức. Để trở thành một trong 4 môn học bắt buộc thì ngay từ bây giờ chương trình GDCD phải có sự thay đổi. Nội dung học phải thực tế, gắn với hơi thở của cuộc sống thì mới làm học sinh hứng thú. Bên cạnh đó, mỗi giáo viên cần thay đổi PPGD, đừng tự bằng lòng với sự yếu thế của môn học mà phải làm cho học sinh thích thú và ham học bộ môn GDCD. Trong khi đó, cô giáo Nguyễn Thị Nữ giảng dạy môn GDCD trường chuyên Lương Văn Chánh, thành phố Tuy Hòa cho rằng: Nội dung môn GDCD cần chất lọc, cô đọng lại. Bên cạnh đó nên giảm bớt khái niệm, phạm trù mà tăng cường những bài học kinh nghiệm, những mẫu chuyện, bài báo, tin tức. Đã gọi là GDCD thì nên tập trung vào giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

*- Về nội dung tri thức*

Môn GDCD hiện nay thiên về lý thuyết, mang tính hàn lâm, chưa đưa ra những bài học giúp học sinh giải quyết những tình huống trong cuộc sống. Để trở thành một trong 4 môn học bắt buộc thì ngay từ bây giờ chương trình GDCD phải có sự thay đổi. Nội dung học phải thực tế, gắn với hơi thở của cuộc sống thì mới làm học sinh hứng thú. Về vấn đề này chúng ta cũng có thể tham khảo một số nội dung về GDCD ở các nước khác trên thế giới:

+ Tại Singapore, môn Giáo dục đạo đức và công dân là môn học độc lập được dạy từ Tiểu học đến Trung học cơ sở và tiếp cận theo năng lực. Đáng chú ý, nội dung môn Đạo đức – GDCD cấp Tiểu học, Trung học cơ sở của Singapore tập trung vào sáu giá trị cốt lõi, đó là: Tôn trọng; Trách nhiệm; Liêm chính; Quan tâm, chăm sóc; Tính kiên cường, khả năng ứng



phó; Sự hòa hợp. Với mỗi giá trị lại được thiết kế theo chủ đề dựa trên các mối quan hệ. Các giá trị này xuyên suốt từ Tiểu học đến Trung học cơ sở nên mang tính hệ thống và phát triển cao.

Nội dung chương trình môn Giáo dục đạo đức và công dân của Singapore cũng bao gồm giáo dục đạo đức và pháp luật. Phần pháp luật được lồng ghép vào trong một số giá trị. Các chủ đề trong chương trình môn Đạo đức, GDCD được thể hiện việc hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực như: tự nhận thức; tự quản; nhận thức xã hội; quản lý các mối quan hệ; chịu trách nhiệm trong việc ra quyết định...

+ Với Hàn Quốc, Giáo dục đạo đức được coi như là môn học có mục đích giúp học sinh phát triển nhân cách độc lập và tự chủ bằng cách học các giá trị đạo đức cơ bản cũng như các quy tắc ứng xử xã hội tốt, phép lịch sự và hình thành các năng lực tư duy, lập luận đạo đức giúp cho học sinh giải quyết các vấn đề đạo đức trong cuộc sống của mình.

Mục tiêu giáo dục đạo đức ở từng cấp học cũng rõ ràng. Đối với cấp Tiểu học: Học sinh sẽ được phát triển các khả năng và thái độ đạo đức đối với cuộc sống hài hòa với người khác trong cộng đồng bằng cách không chỉ học các chuẩn mực đạo đức và các phép tắc xã giao lịch sự mà còn thực hành các lập luận và các kỹ năng đạo đức trong cuộc sống hàng ngày. Đối với cấp Trung học cơ sở: học sinh được phát triển các khả năng và thái độ đạo đức đối với một cuộc sống đúng đắn và có lý bằng cách không chỉ thúc đẩy hơn nữa những hiểu biết của chúng về các giá trị và chuẩn mực đạo đức mà còn tập luyện các năng lực lập luận và động cơ hành động đạo đức trong xã hội hiện đại. Với cấp THPT: học sinh sẽ được phát triển các năng lực lập luận đạo đức chủ động và thực hành các năng lực bằng cách giải quyết các vấn đề đạo đức cá nhân và cộng đồng thông qua nghiên cứu các yếu tố cơ bản của đạo đức và áp dụng giải quyết chúng theo quan điểm tích hợp/liên ngành.

+ Tại Nhật Bản, giáo dục đạo đức được tiến hành qua các hoạt động nhóm, nhằm đẩy mạnh sự phát triển hài hòa thể chất, trí tuệ, tự hoàn thiện sự phát triển... Đáng chú ý, Nhật Bản còn giáo dục đạo đức thông qua hoạt động hàng ngày.

Tất cả các trường từ thành thị đến nông thôn, từ cấp Tiểu học đến THPT đều bắt buộc học sinh phải làm vệ sinh lớp học và những nơi công cộng trong trường. Việc làm này không những tạo ra một môi trường và bầu không khí học tập tốt mà còn giáo dục nhiều mặt như giá trị lao động, kỹ năng lao động, tinh thần hợp tác, đoàn kết trong lao động, tinh thần trách nhiệm, tính kỷ luật... Học sinh tiểu học cũng được nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi, cây trồng hàng ngày, quanh năm ngay cả ngày hè nhằm gắn chặt với môn khoa học, làm quen với thiên nhiên, sinh vật quanh môi trường sống, dần dần hình thành lòng yêu sinh vật, yêu thiên nhiên, yêu quý cuộc sống.

### **3.2.3. Đổi mới hình thức giảng dạy và học tập**

*- Đổi mới về phương pháp soạn giáo án, thiết kế kế hoạch bài học*

Muốn đổi mới PPGD thì đầu tiên phải đổi mới cách soạn giáo án, đổi mới cách thiết kế kế hoạch bài học.

Giáo án hay kế hoạch bài học đều là công việc chuẩn bị của người giáo viên trước khi lên lớp. Soạn giáo án là xây dựng kế hoạch dạy học cho một bài học cụ thể, thể hiện mối quan hệ tương tác giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với học sinh nhằm giúp học sinh đạt được những mục tiêu của bài học, đây là thuật ngữ thường dùng trước khi đổi mới PPGD, cấu trúc của giáo án tuân thủ chắc chắn theo 5 bước lên lớp của giáo viên. Thiết kế kế hoạch bài học là thuật ngữ được sử dụng khi thực hiện đổi mới PPGD, là bản thiết kế những hoạt động học tập mà học sinh cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu của bài học dưới sự điều khiển, hướng dẫn, tổ chức của giáo viên. Ở đây, có thể so sánh hai cách soạn giáo án như sau:

	Giáo án trong dạy học thụ động	Kế hoạch bài học trong dạy học tích cực
1. Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu nhiệm vụ, công việc cần làm của giáo viên và học sinh</li> <li>- Mục tiêu bài học được xác định một cách chung chung căn cứ vào nội dung sách giáo khoa</li> <li>- Các mục tiêu cần đạt của học sinh chưa được lượng hóa, khó quan sát được và không “cân, đo, đong, đếm được”</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là đích của bài học, học sinh cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong và sau khi bài học</li> <li>- Mục tiêu của bài học được xác định căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ cần được hình thành trong chương trình giáo dục</li> <li>- Các mục tiêu được biểu đạt bằng các động từ hành động cụ thể, có thể lượng hóa và quan sát, “đo”, “đếm” được</li> </ul>
2. Chuẩn bị bài học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê đồ dùng dạy học của giáo viên.</li> <li>- Hướng dẫn học sinh làm bài tập về nhà.</li> <li>- Sử dụng phối hợp các PPGD, các hình thức, các kỹ thuật dạy học thường đơn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê đồ dùng dạy học cho giáo viên và cho cá nhân, nhóm học sinh.</li> <li>- Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài học (chuẩn bị bài, làm bài tập, thực hành kỹ năng gắn kiến thức với thực tiễn, đọc tài liệu và chuẩn bị đồ dùng học tập cần thiết).</li> <li>- Sử dụng phối hợp các PPGD, các hình thức, các kỹ thuật dạy học tích cực khác nhau.</li> </ul>

	điều, chủ yếu là “đọc” “chép”, thuyết trình.	
3. Tổ chức các hoạt động dạy học	<p>- Thường xuất phát từ nội dung học tập trong sách giáo khoa.</p> <p>- Tập trung trước hết vào hoạt động dạy của giáo viên.</p> <p>- Tiến trình dạy học theo 5 bước lên lớp: ổn định lớp, kiểm tra bài cũ, học bài mới, củng cố, bài tập về nhà.</p> <p>- Tập trung vào cách thức triển khai hoạt động dạy của giáo viên, ít chú ý đến hoạt động học tập của học sinh, nếu có thì thường mang tính áp đặt.</p> <p>Vd: giáo viên chuẩn bị câu hỏi và chuẩn bị sẵn câu trả lời của học sinh (câu hỏi thường đã có trong sách giáo khoa).</p>	<p>- Thường xuất phát từ mục tiêu bài học kết hợp với vốn kinh nghiệm hiểu biết của học sinh.</p> <p>- Tập trung nhấn mạnh vào hoạt động của học sinh, sau đó là hoạt động dạy của giáo viên nhằm hỗ trợ hoạt động của học sinh.</p> <p>- Tiến trình dạy học theo các hoạt động học tập của học sinh. Các bước ổn định, kiểm tra, đánh giá, củng cố được thực hiện linh hoạt và đan xen nhau trong quá trình dạy học.</p> <p>- Tập trung vào cách thức các hoạt động học tập của học sinh. Với mỗi hoạt động chi rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên hoạt động.</li> <li>+ Mục tiêu của hoạt động.</li> <li>+ Thời lượng để thực hiện hoạt động.</li> <li>+ Cách tiến hành hoạt động, bao gồm cả dự kiến những khó khăn mà học sinh dễ gặp, những tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.</li> </ul>

	<p>+ Kết luận của giáo viên về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh trong bài học</li> <li>• Những tình huống thực tiễn có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ đã học để giải quyết.</li> <li>• Những sai lầm thường gặp, những hậu quả có thể xảy ra nếu không có cách giải quyết phù hợp...</li> </ul>
--	--

Một nét nổi bật dễ nhận thấy của bài học theo PPGD tích cực là hoạt động của học sinh chiếm tỷ trọng cao so với hoạt động của giáo viên, về mặt thời gian cũng như cường độ làm việc. Thực ra, để có một tiết học như vậy ở trên lớp thì trước đó, trong khâu soạn bài, giáo viên phải đầu tư rất nhiều công sức. Khi soạn bài theo phương pháp truyền thống, giáo viên chủ yếu dự kiến những hoạt động trên lớp của chính mình như: thuyết trình, giảng giải, viết bảng, vẽ sơ đồ, biểu diễn các phương tiện trực quan, đặt câu hỏi... Tất nhiên, giáo viên có hình dung về những hành động hưởng ứng của học sinh như: sẽ trả lời câu hỏi như thế nào? sẽ rút ra nhận xét gì khi xem tranh, xem bảng số liệu...

Còn khi thiết kế giáo án theo hướng sử dụng phương pháp tích cực, những dự kiến của giáo viên phải tập trung chủ yếu vào các hoạt động của học sinh. Hay nói đúng hơn là những hoạt động nhận thức của học sinh. Do vậy, giáo án của giáo viên phải thể hiện được các hoạt động nhận thức mà giáo viên dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh. Trong cách soạn giáo án truyền

thống, giáo viên tính toán trình tự triển khai những hoạt động của chính mình sao cho hợp lý, tiết kiệm thời gian, để chủ động hoàn thành tiết học đúng giờ. Còn hiện nay, giáo viên phải suy nghĩ một cách công phu về những khả năng diễn biến các hoạt động đề ra cho học sinh, dự kiến những giải pháp điều chỉnh để không bị “cháy” giáo án. Như vậy, giáo án phải được giáo viên thiết kế theo nhiều phương án, theo kiểu phân nhánh, được giáo viên linh hoạt điều chỉnh theo diễn biến của tiết học, lời cuốn sự tham gia tích cực của học sinh.

*- Đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên*

Đổi mới PPGD là sử dụng các PPGD một cách tích cực và hiệu quả, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm học sinh và lớp học. Nói cách khác, là “Dạy học lấy hoạt động của người học làm trung tâm”. Cho nên, đặc trưng cơ bản của PPGD tích cực là quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm là cơ sở để đổi mới PPGD.

Quan điểm này có cơ sở lý luận từ việc nhận thức quá trình dạy học là quá trình có hai chủ thể: Giáo viên và học sinh. Cả hai chủ thể này đều chủ động, tích cực, bằng hoạt động của mình hướng tới tri thức, giáo viên thì hoạt động truyền đạt tri thức, còn học sinh thì hoạt động chiếm lĩnh tri thức và biến nó thành vốn hiểu biết của mình để tiếp tục hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn...

*Sơ đồ mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh trong PPGD tích cực*



Xin nhấn mạnh rằng, hoạt động của giáo viên và hoạt động của học sinh đều là hoạt động có ý thức, dưới sự chỉ huy của ý thức để đạt mục tiêu của mình. Vì vậy, kết quả nhận thức của họ trong các quá trình nhận thức, trước khi đạt đến mức chuyển hóa được thành phương pháp, là công cụ cho họ thực hiện mục đích của mình. Do vậy, bàn về PPGD chúng ta phải bàn đến cả phương pháp dạy của giáo viên và phương pháp học của học sinh. Sự phù hợp của hai phương pháp này sẽ cho chúng ta hiệu quả thực sự của việc dạy học.

Vai trò của giáo viên trong quá trình giảng dạy môn GDCD theo quan điểm lấy người học là trung tâm không thể bị mờ nhạt mà trái lại còn rõ nét hơn, giáo viên vẫn là “linh hồn” của giờ học chủ động và sáng tạo. Bởi vì, để có thể làm người hướng dẫn, cung cấp thông tin, trọng tài, cố vấn... giáo viên phải hiểu biết sâu sắc những kiến thức do mình đảm nhiệm, đồng thời phải tự bổ sung vốn kiến thức của mình thường xuyên và có định hướng rõ ràng qua tài liệu, sách báo... giáo viên phải nắm vững bản chất và các quy luật của quá trình dạy học để có thể tìm ra hoặc ứng dụng những PPGD phù hợp với đối tượng của mình nhất.

Chúng ta có thể so sánh hai cách dạy học tập trung vào giáo viên và tập trung vào học sinh để thấy được vai trò của dạy học tích cực so với dạy học thụ động:

	Dạy và học tập trung vào giáo viên	Dạy và học tập trung vào học sinh
1. Quan niệm về quá trình dạy học	- Học là quá trình tiếp thu, lĩnh hội, qua đó hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ.	- Học là quá trình tìm tòi, khám phá, phát hiện và xử lý thông tin, tự hình thành hiểu biết, năng lực và phẩm chất, thông qua hoạt

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy là quá trình truyền đạt, chuyển tải nội dung đã được quy định trong chương trình, SGK.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>động học tập, dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</li> <li>- Dạy là quá trình tổ chức và điều khiển các hoạt động nhận thức của học sinh để đạt được mục tiêu dạy học.</li> </ul>
2. Bản chất dạy học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên truyền thụ tri thức.</li> <li>- Giáo viên là trung tâm, đóng vai trò chủ động, quyết định.</li> <li>- Quan tâm đến sản phẩm cuối cùng của quá trình dạy học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học tập bằng hoạt động nhận thức của học sinh.</li> <li>- Học sinh là trung tâm, giáo viên tổ chức điều khiển các hoạt động.</li> <li>- Quan tâm đến quá trình học như thế nào, khai thác động lực của học tập, gắn việc học với nhu cầu, lợi ích cá nhân người học.</li> </ul>
3. Vai trò của giáo viên và học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên: Nắm quyền lực tri thức, truyền thụ tri thức, chứng minh chân lý của kiến thức trong sách giáo khoa và của giáo viên.</li> <li>- Học sinh: Thụ động theo dõi, ghi nhớ, thực hành, bắt chước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên: Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng, kiểm tra hoạt động nhận thức, kết luận, chốt lại kiến thức</li> <li>- Học sinh: Hoạt động nhằm chiếm lĩnh kiến thức, tìm hiểu và giải quyết nhiệm vụ học tập.</li> </ul>
4. Mục tiêu dạy học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị cho học sinh vào đời và tiếp tục học lên.</li> <li>- Chú trọng đến việc hình thành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị cho học sinh sớm thích ứng với đời sống xã hội, hòa nhập và góp phần phát triển cộng đồng.</li> </ul>



	kiến thức cho học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú trọng hình thành các năng lực nhận thức, năng lực hoạt động, năng lực tự học, các kỹ năng giải quyết vấn đề.</li> <li>- Tôn trọng lợi ích, nhu cầu, năng lực của học sinh.</li> </ul>
5. Nội dung dạy học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chú trọng cung cấp tri thức, kỹ năng, kĩ xảo.</li> <li>- Nhiều kiến thức đã học ít được dùng đến trong cuộc sống hằng ngày.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chỉ quan tâm đến kiến thức lý thuyết, còn chú trọng đến kỹ năng thực hành vận dụng kiến thức, năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề của thực tiễn.</li> <li>- Gắn vốn hiểu biết, kinh nghiệm và nhu cầu của học sinh với tình huống thực tế, bối cảnh và môi trường địa phương, những vấn đề học sinh quan tâm.</li> </ul>
6. Phương pháp dạy học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các PPGD chủ yếu theo lối truyền thụ một chiều, áp đặt.</li> <li>- Các phương pháp thực hành thường được dùng để kiểm nghiệm những gì đã học.</li> <li>- Dạy học mang tính thông báo đồng loạt, yêu cầu cả lớp cùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các PPGD theo hướng phát huy tích cực, tự giác chủ động, sáng tạo của học sinh.</li> <li>- Các phương pháp tích cực như: tìm tòi, điều tra, giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác...qua đó học sinh tự lực nắm tri thức mới, đồng thời được rèn luyện về phương pháp tự học, tập dượt tìm tòi nghiên cứu.</li> <li>- Thực hiện dạy học phân hóa</li> </ul>

	thực hiện như nhau, ít quan tâm chú ý đến dạy học phân hóa trình độ của học sinh.	theo trình độ năng lực, thiên hướng và nhịp độ học tập của học sinh, tạo thuận lợi cho sự bộc lộ phát triển tiềm năng của mỗi học sinh, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập.
7. Hình thức, tổ chức dạy học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu dạy học toàn lớp, giáo viên đối diện với cả lớp.</li> <li>- Thường đối diện trong không gian của lớp học.</li> <li>- Bàn ghế thường cố định, không thay đổi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học cá nhân, học đôi bạn, học theo nhóm,...</li> <li>- Địa điểm học tập cơ động linh hoạt: học ở lớp, ở hiện trường, trong thực tế, viện bảo tàng, cơ sở sản xuất...</li> <li>- Thường dùng bàn ghế cá nhân, có thể linh hoạt thay đổi cách bố trí phù hợp với các hoạt động học tập.</li> </ul>
8. Phương tiện dạy học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện giảng dạy được sử dụng chủ yếu để minh họa, kiểm nghiệm những nội dung trong SGK hoặc những lời nói của giáo viên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện giảng dạy được sử dụng như là nguồn thông tin dẫn học sinh đến kiến thức mới.</li> <li>- Quan tâm vận dụng các phương tiện giảng dạy hiện đại để học sinh hoàn thành nhiệm vụ học</li> </ul>

		tập theo tiến độ phù hợp với năng lực.
9. Đánh giá	- Thường đánh giá theo nội dung dạy học, khả năng ghi nhớ và tái hiện kiến thức là chính.	- Thường đánh giá theo mục tiêu bài học, đánh giá kết quả học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực của học sinh. - Không chỉ đánh giá sau khi học một nội dung mà thường đánh giá ngay trong quá trình học. Học sinh tự giác chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình, được tham gia tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá thường xuyên nhằm điều chỉnh quá trình dạy học. Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tự phát triển năng lực tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học, khuyến khích cách học thông minh sáng tạo, biết giải quyết những vấn đề nảy sinh trong các tình huống thực tế.

Biểu hiện của dạy và học tập trung vào giáo viên với dạy và học tập trung vào học sinh

Dạy và học tập trung vào giáo viên	Dạy và học tập trung vào học sinh
1. Giáo viên đứng trên bục giảng, ngồi ở bàn giáo viên trong hầu hết thời gian của tiết học.	1. Giáo viên di chuyển trong lớp, quan sát và hỗ trợ học sinh khi cần thiết.
2. Giáo viên truyền thụ nội dung tri thức.	2. Giáo viên tổ chức, hướng dẫn học sinh hoạt động chiếm lĩnh nội dung tri thức (học sinh tự xây dựng, khai thác kiến thức).
3. Nội dung truyền thụ tuân thủ chặt chẽ nội dung và trật tự của sách giáo khoa.	3. Giáo viên huy động vốn kiến thức và kinh nghiệm đã có của học sinh để xây dựng bài. Khai thác nội dung dạy học trong sách giáo khoa phù hợp với nhu cầu và khả năng nhận thức của học sinh.
4. Giáo viên thực hiện bài dạy theo 5 bước lên lớp. Học sinh lắng nghe lời giảng của giáo viên, ghi chép, học thuộc.	4. Giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học. Học sinh học qua hoạt động, học qua tương tác. Học sinh ý thức được nhiệm vụ cần giải quyết, chủ động, tích cực tìm tòi trao đổi thảo luận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
5. Giáo viên lắng nghe câu trả lời của học sinh và thường đưa ra ngay kết luận đúng, sai.	5. Giáo viên khuyến khích, tạo cơ hội để học sinh nêu ý kiến, suy nghĩ cá nhân về vấn đề đang học, nêu thắc mắc trong khi nghe giảng, trả lời theo nhiều phương án khác nhau.

6. Giáo viên làm mẫu (cho ví dụ mẫu, giải bài tập mẫu, yêu cầu học sinh làm những bài tập tương tự).	6. Giáo viên khuyến khích học sinh tìm tòi các cách giải khác nhau.
7. Giao tiếp Giáo viên ---> học sinh.	7. Giao tiếp Giáo viên <--> học sinh <--> học sinh.
8. Giáo viên dạy đồng loạt với cả lớp, chú trọng việc ghi nhớ và làm theo mẫu.	8. Giáo viên làm việc với từng nhóm nhỏ, chú ý đến việc học qua trải nghiệm và sự giao tiếp, hợp tác của học sinh. Giáo viên quan tâm đến phong cách học, trình độ và nhịp độ của mỗi cá nhân.
9. Sử dụng phấn, bảng đen, phương tiện dạy học thường dùng.	9. Sử dụng các nguồn lực, phương tiện dạy học đa dạng, khuyến khích học sinh sử dụng các giác quan và các hình thức học tập khác nhau để lĩnh hội kiến thức.
10. Giáo viên đánh giá học sinh tập trung vào ghi nhớ, học thuộc lòng. Giáo viên nhận xét, đánh giá, cho điểm.	10. Giáo viên đánh giá, khuyến khích cách giải quyết sáng tạo, ghi nhớ trên cơ sở tư duy lôgic. Giáo viên khuyến khích học sinh nhận xét, đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá.

Sự khác nhau căn bản của 2 quan điểm dạy học dẫn đến sự khác nhau trong việc xác định các phương pháp cụ thể cho từng môn học, bài học, từng phần, từng đối tượng học sinh....

Thực hiện chương trình dạy học theo quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm thì hoạt động của giáo viên và học sinh tương ứng như sau:

+ Học sinh khai phá tri thức, tự nghiên cứu - giáo viên chỉ hướng dẫn và cung cấp thông tin.

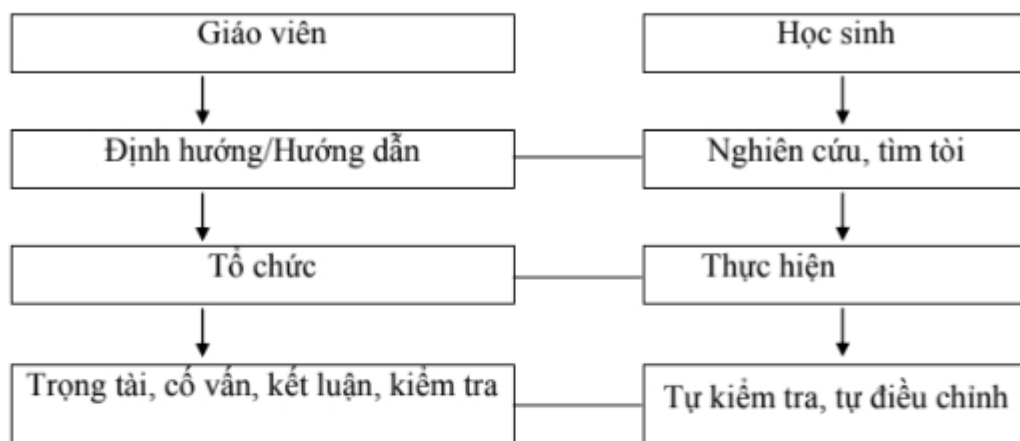
+ Học sinh tự trả lời các thắc mắc do chính mình đặt ra, tự kiểm tra mình còn giáo viên là trọng tài.

+ Học sinh tự hành động, tự kiểm tra, tự điều chỉnh - giáo viên làm cố vấn.

Một vấn đề quan trọng là, nhiều giáo viên đã nhận thức được sự cần thiết phải đổi mới PPGD nhưng rất khó từ bỏ các phương pháp cũ đã quen dùng. Do đó, muốn thực hiện đổi mới PPGD thì trước hết là bản thân mỗi giáo viên phải ý thức được để chủ động từ bỏ PPGD truyền thống đã thành thói quen và chuyển hẳn sang các PPGD mới- PPGD theo hướng tích cực.

Đổi mới PPGD theo hướng tích cực có nghĩa là hoạt động học tập phải được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động hợp tác, trong mối quan hệ tương tác giữa thầy- trò, trò- trò trong môi trường học tập thân thiện, an toàn. Trong dạy học tích cực, học sinh là chủ thể hoạt động, giáo viên đóng vai trò người tổ chức hướng dẫn, đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức sâu, rộng, có kỹ năng sư phạm, đặc biệt phải có tình cảm nghề nghiệp thì việc đổi mới PPGD theo hướng tích cực mới đạt hiệu quả.

*Vai trò của giáo viên và học sinh trong dạy và học tích cực.*



Mục đích của đổi mới PPGD theo hướng tích cực nhằm để học sinh học môn GDCD có hiệu quả hơn, bài học sinh động hơn; quan hệ của giáo viên và học sinh, học sinh với học sinh tốt hơn; hoạt động học tập phải phong phú hơn, học sinh được hoạt động nhiều hơn; giáo viên có nhiều cơ hội giúp đỡ học sinh hơn, quan tâm đến nhiều hơn tới sự phát triển của cá nhân, tính sáng tạo của người học...

Bên cạnh các PPGD truyền thống như: thuyết trình, đàm thoại, nêu gương, sử dụng đồ dùng trực quan... Trong giảng dạy, giáo viên cần biết sử dụng một cách hợp lý các PPGD tạo nên sự đa dạng, phong phú về phương pháp và phong cách dạy học. Giáo viên  *nên vận dụng một cách linh hoạt cả PPGD hiện đại và PPGD truyền thống trong giảng dạy môn GDCD.*

PPGD là phạm trù phương tiện chứ không phải là phạm trù mục đích. Do vậy, theo tôi, để phát huy được tính tích cực học tập của học sinh phụ thuộc rất nhiều vào cách sử dụng phương pháp của giáo viên chứ không phải là phụ thuộc vào bản thân phương pháp đó. Việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp dạy học phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như nội dung bài học, đối tượng học sinh, cơ sở vật chất của nhà trường, sở trường của giáo viên... giáo viên lựa chọn và vận dụng PPGD như thế nào để người học được

hoạt động tích cực về mặt nhận thức cũng như về mặt thực hành để họ tự khám phá ra tri thức mới. Theo lý luận dạy học, về mặt nhận thức thì các phương pháp hoạt động thực hành là “tích cực” hơn các phương pháp trực quan, các phương pháp trực quan thì “tích cực” hơn phương pháp dùng lời. Nhưng đối với môn GDCD, do đặc thù của môn học nên việc vận dụng một số phương pháp rất khó thực hiện, chẳng hạn như phương pháp thực hành. Mặt khác, chúng ta cũng không nên quan niệm một cách cứng nhắc rằng phương pháp này tích cực hơn hay phương pháp kia tốt hơn mà vấn đề là ở chỗ trên cơ sở nắm vững điểm mạnh, điểm yếu của chúng để vận dụng sao cho hiệu quả theo mục đích, khả năng của giáo viên và học sinh.

Có thể lấy ví dụ về phương pháp dùng lời hay chúng ta thường gọi là phương pháp thuyết trình - đây là phương pháp có thể làm cho học sinh thụ động nhưng cũng có thể dùng lời tạo nên mâu thuẫn giữa điều đã biết và điều chưa biết thì người học sẽ tích cực suy nghĩ để giải quyết mâu thuẫn đó. Như vậy, mặt bên ngoài của phương pháp mà ai cũng nhận ra đó là phương pháp dùng lời nhưng mặt bên trong của phương pháp đã thể hiện mức độ tích cực nhận thức của học sinh, đòi hỏi tư duy tìm tòi, sáng tạo của các em.

Như vậy, giáo viên phải nhận thức sâu sắc rằng, đổi mới PPGD theo hướng tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh không có nghĩa là gạt bỏ, loại trừ hoặc thay thế hoàn toàn các PPGD truyền thống. Đối với môn GDCD, do đặc thù tri thức của bộ môn, nên các phương pháp truyền thống nếu biết vận dụng hợp lý thì vẫn rất hiệu quả. Vấn đề là ở chỗ: cần kế thừa và phát triển những mặt tích cực của PPGD truyền thống như phương pháp thuyết trình, vấn đáp... Đồng thời vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt các phương pháp hiện đại nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập phù hợp với hoàn cảnh dạy học bộ môn hiện nay. Thực tiễn giảng dạy môn GDCD chứng minh rằng vận dụng hợp lý các PPGD truyền thống và PPGD hiện đại sẽ mang lại hiệu quả dạy học rất cao.



*Mặt khác, không nên tuyệt đối hóa bất cứ một phương pháp dạy học nào cả.* Không có PPGD nào là vạn năng. Mỗi một phương pháp đều có mặt mạnh, mặt hạn chế và tác dụng của mỗi phương pháp cũng rất khác nhau. Kết hợp các PPGD một cách hợp lý chính là nhằm phát huy điểm mạnh và giảm thiểu những hạn chế của từng phương pháp đồng thời đa dạng hoá được hoạt động học tập của học sinh. Vì vậy, giờ học sinh động hơn, cuốn hút được học sinh vào nhiều hoạt động phong phú nên môn GDCD có khả năng hấp dẫn các em tốt hơn. Tất nhiên, khi phối hợp các PPGD, giáo viên nên xác định phương pháp nào là chủ đạo. Còn khi chúng ta nói, vận dụng một PPGD ở một thời điểm nào đó có nghĩa là ở giai đoạn dạy học đó, PPGD đó chiếm ưu thế nhằm giải quyết một nhiệm vụ dạy học cụ thể, tuyệt nhiên không có nghĩa là chỉ sử dụng một phương pháp mà thiếu phối kết hợp các phương pháp khác. Hiện nay, có tình trạng đáng lo ngại là một số giáo viên coi việc sử dụng phương pháp thảo luận nhóm đồng nghĩa với việc đổi mới dạy học môn GDCD nên bài giảng nào, thậm chí là tiết dạy nào cũng sử dụng phương pháp thảo luận nhóm. Sự lạm dụng ấy chắc chắn sẽ không mang lại kết quả như mong muốn.

Xin nêu một số PPGD có thể sử dụng trong dạy học môn GDCD ở trường THPT theo định hướng đổi mới:

*\* Phương pháp học theo dự án*

Học theo dự án nhấn mạnh đến vai trò của người học. Là hoạt động học tập nhằm tạo cơ hội cho học sinh tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống.

Trong học theo dự án, các hoạt động học tập được thiết kế mang tính thiết thực, liên quan đến nhiều lĩnh vực kiến thức, lấy người học làm trung tâm và gắn kiến thức nhà trường với những vấn đề thực tiễn của thế giới thực tại. Dự án là một bài tập tình huống mà người học phải giải quyết bằng các

kiến thức theo nội dung bài học. Học theo dự án đặt người học vào tình huống có vấn đề nhưng việc giải quyết vấn đề đòi hỏi sự tự lực cao của người học. Khi người học được tự lựa chọn nội dung chủ đề và tự đặt ra vấn đề cần tìm hiểu nghiên cứu, người học sẽ hoàn toàn chủ động tích cực trong việc lập ra kế hoạch nghiên cứu, tìm kiếm, tổng hợp, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề được đặt ra.

Học theo dự án mang các vấn đề thực tế vào môi trường lớp học, không đơn thuần chỉ là sự tập hợp các nhân tố riêng lẻ, mà là một hệ thống các hoạt động được kết nối tới các lĩnh vực khác nhau của việc học. Mỗi chủ đề của dự án đều bắt đầu từ thực tế môi trường nơi các em sống và hình thành nên cảm hứng để các em tiến hành dự án. Thế giới của trẻ em rất giàu trí tưởng tượng và được định hình thông qua xã hội mà các em đang sống. Mỗi thời điểm trong năm đều tạo ra điều khác biệt. Đó là lý do vì sao học theo dự án là một cách học độc đáo, đa dạng mang lại kết quả cao.

Học theo dự án có thể tiến hành theo 6 bước:

1). *Lựa chọn chủ đề*: giáo viên cần tìm hiểu các chủ đề học sinh quan tâm để tạo cơ sở cho cả lớp tham gia tích cực vào một chủ đề trong một khoảng thời gian đủ dài. Việc hỏi trực tiếp học sinh các câu hỏi khai thác những chủ đề mà các em quan tâm có lẽ là cách tốt nhất để chọn những chủ đề thú vị cho học sinh.

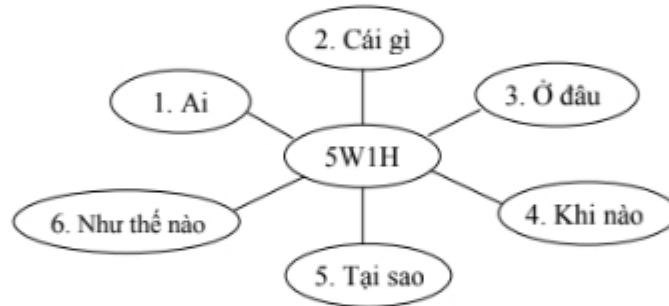


Sau khi lập sơ đồ tư duy tìm được các tiêu chủ đề, giáo viên yêu cầu học sinh lựa chọn tiêu chủ đề theo sở thích và yêu cầu các học sinh cùng sở thích về một chủ đề tạo thành một nhóm.

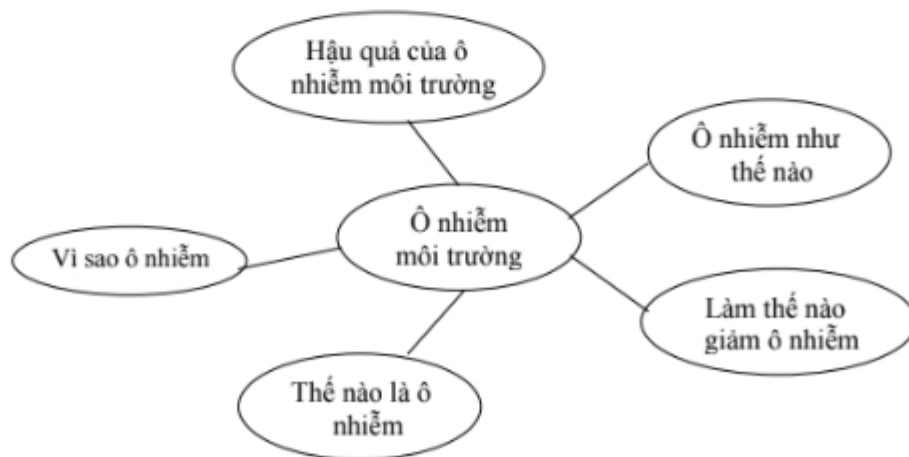
2) *Lập kế hoạch*: Bước thứ 2 là “thương thảo”. Trong bước này, học sinh sẽ động não về các yếu tố cần giải quyết trong chủ đề. Các em có thắc mắc gì? Các em muốn tìm hiểu gì về chủ đề? Các em có thể làm gì với chủ đề này? Trong bước này học sinh và giáo viên cùng tiến hành các câu hỏi cụ thể, phân công và thống nhất nhiệm vụ. Giáo viên đặt câu hỏi để phát triển các ý tưởng theo sơ đồ 5W1H ( Who, What, Where, When, Why, How)

*Sơ đồ câu hỏi 5W1H:*

*Tại sao và như thế nào là các câu hỏi quan trọng nhất*



Ví dụ: Sơ đồ tư duy chủ đề môi trường, áp dụng câu hỏi 5W1H.



3) *Thu thập thông tin*: Bước 3 là bước “thu thập dữ liệu”. học sinh sẽ bắt đầu tìm câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu. Việc tập hợp gồm một số các hoạt động: nghiên cứu, khảo sát thực tế, tìm tài liệu, phỏng vấn, khám phá các tài liệu khác... Trong bước này, giáo viên có thể hỗ trợ để học sinh khai thác sâu các yếu tố cho dự án, giúp học sinh có được cách tiếp cận sâu hơn với dự án.

4) *Xử lý thông tin*: Bước 4 được gọi là bước “phát triển”, học sinh sẽ bắt đầu xử lý các tài liệu thu thập được. Học sinh sẽ kết hợp các yếu tố, giải nghĩa các yếu tố đơn lẻ và sẽ có cái nhìn toàn cảnh về những gì đã khám phá tìm hiểu, sau đó tái tạo lại những gì đã trải nghiệm và cá nhân hóa thông tin.

5) *Trình bày kết quả*: Trong bước 5, học sinh sẽ trình bày kết quả công việc của mình. Đây là một giai đoạn quan trọng trong hoạt động dự án. Việc học sinh cảm thấy tự hào với công việc của mình có ý nghĩa quan trọng giúp các em tự nhận thức năng lực của bản thân mình, đồng thời giúp áp dụng những điều đã học vào thực tế. Các hình thức trình bày kết quả dự án như trình bày bằng PowerPoint, trình bày bằng trò chơi “đoán đồ vật”, trình bày bằng tiểu phẩm, trình bày bằng biểu bảng, thuyết trình...

6) *Đánh giá kết quả*: Bước cuối cùng được dành cho việc đánh giá. Học sinh sẽ nhìn lại những hoạt động đã thực hiện và đánh giá lẫn nhau.

Tóm tắt các bước hướng dẫn học sinh học theo dự án:

STT	Hoạt động của giáo viên	Mục tiêu
1	Giới thiệu phương pháp học theo dự án. Giới thiệu chủ đề. Hướng dẫn phát triển tiểu chủ đề.	Học sinh xây dựng ý tưởng (sử dụng sơ đồ tư duy) và chọn tiểu chủ đề cho dự án theo sở thích.
2	Hướng dẫn học sinh lập kế hoạch, trình bày kế hoạch.	Học sinh lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ trong nhóm. Trình bày, hoàn thiện kế hoạch.

3	Hướng dẫn học sinh thu thập thông tin.	Học sinh biết cách thu thập thông tin từ nhiều nguồn.
4	Hướng dẫn học sinh xử lý, tổng hợp thông tin.	Học sinh biết cách phân tích và tổng hợp thông tin.
5	Hướng dẫn học sinh trình bày, báo cáo kết quả.	Học sinh biết xây dựng và trình bày sản phẩm với các hình thức đa dạng.
6	Hướng dẫn học sinh đánh giá, nhìn lại quá trình .	Học sinh đánh giá lẫn nhau và chia sẻ rút kinh nghiệm.

*\* Phương pháp dạy học hợp tác (dạy học theo nhóm)*

Đây là một PPGD nhấn mạnh vai trò chủ thể của học sinh trong dạy học. Trong dạy học hợp tác, giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động trong những nhóm nhỏ để học sinh cùng thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong một thời gian nhất định. Trong nhóm, dưới sự chi đạo của nhóm trưởng, học sinh kết hợp giữa làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác cùng nhau để giải quyết nhiệm vụ được giao.

Những nhiệm vụ học tập giao cho học sinh cần phải khuyến khích sự phối hợp của các thành viên trong nhóm. Cần hình thành thói quen học tập hợp tác cho học sinh, học sinh sẽ học được cách chia sẻ, giúp đỡ và tôn trọng lẫn nhau, tăng cường sự tham gia và nâng cao hiệu quả học tập.

Quy trình thực hiện dạy học hợp tác:

- Chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp: Trong thực tế dạy học, tổ chức cho học sinh học tập hợp tác là cần thiết, có hiệu quả khi có đủ thời gian để thực hiện nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ học tập có tính chất tương đối khó hoặc rất khó. Do đó, giáo viên cần căn cứ vào đặc điểm dạy học hợp tác để lựa chọn nội dung cho phù hợp, không nên lạm dụng, áp dụng một cách máy

móc, mang tính hình thức sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh và thời gian của giờ học.

- Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng dạy học hợp tác: Xuất phát từ mục tiêu, nội dung bài học, giáo viên cần thiết kế các hoạt động dạy học. Trong đó, xác định hoạt động nào cần cho tổ chức hoạt động theo nhóm. Phải xác định rõ tiêu chí thành lập nhóm, xác định phương pháp dạy học chủ yếu, chuẩn bị thiết bị dụng cụ, nêu hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế nhiệm vụ cùng cố đánh giá.

- Tổ chức dạy học hợp tác: giáo viên nêu nhiệm vụ học tập hoặc nêu vấn đề cần tìm hiểu và phương pháp học tập cho toàn lớp như: phân công nhóm học tập và bố trí vị trí hoạt động của nhóm phù hợp theo thiết kế; giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm học sinh; hướng dẫn hoạt động của nhóm học sinh; giáo viên theo dõi, điều khiển, hướng dẫn hỗ trợ các nhóm; tổ chức học sinh báo cáo kết quả và đánh giá; sau cùng giáo viên chốt lại kiến thức cơ bản.

*- Đổi mới về cách sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học*

Quan nhiệm về phương tiện dạy học: bao gồm tất cả các thiết bị có khả năng chứa đựng hoặc chuyển tải thông tin về nội dung dạy học và sự điều khiển việc dạy học hoặc những vật dụng khác có tác dụng hỗ trợ quá trình dạy học.

Vai trò của phương tiện, thiết bị dạy học:

- + Phương tiện, thiết bị dạy học góp phần quan trọng trong việc đổi mới PPGD, hướng vào hoạt động tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Phương tiện, thiết bị dạy học tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, học sinh thực hiện các hoạt động độc lập hoặc các hoạt động nhóm.

- + Sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học không chỉ là phương tiện của việc dạy mà còn là phương tiện của việc học. Phương tiện, thiết bị dạy học không chỉ minh họa, còn là nguồn tri thức, là một cách chứng minh bằng quy

nap. Khi sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học phải coi đó là phương tiện để nhận thức, không chỉ thuần túy là sự minh họa. Đây là nguồn thông tin cực kỳ quan trọng giúp học sinh có hứng thú tìm tòi, phát hiện kiến thức mới. Sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại trong điều kiện có thể sẽ có tác động rất sâu vào nhận thức. Mặt khác, nếu dùng không hợp lý phương tiện, thiết bị dạy học sẽ phản tác dụng, do vậy cần sử dụng phối hợp, linh hoạt, phù hợp.

Các phương tiện dạy học đặc thù bộ môn GDCD:

+ Những phương tiện dạy học thường dùng trong môn GDCD: các sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu, mô hình, tranh ảnh; phim đèn chiếu, máy chiếu, bản trong; phiếu học tập; giấy khổ lớn, bút dạ, kéo, băng dính; câu chuyện, tình huống, số liệu liên quan đến bài học; đồ dùng đơn giản để đóng vai; ...

+ Các phương tiện dạy học mới bắt đầu được sử dụng trong môn GDCD: tivi, băng hình, đĩa hình, phim video, phim truyền hình; các phương tiện kỹ thuật số như máy ảnh kỹ thuật số, máy quay phim; máy tính, phần mềm máy tính; ...

Để phương tiện, thiết bị dạy học thực sự trở thành công cụ đắc lực theo yêu cầu đổi mới PPGD môn GDCD, giáo viên cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học cần thích ứng linh hoạt, kịp thời hỗ trợ cho PPGD, ngược lại nếu sử dụng không hợp lý sẽ phản tác dụng
- Tránh lạm dụng hoặc chỉ sử dụng một phương tiện dạy học, nhằm phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của hệ thống phương tiện dạy học, góp phần đạt được các mục đích đề ra trong từng bài học.
- Phương tiện, thiết bị dạy học phải có tính khoa học, thẩm mỹ và có tính giáo dục đối với học sinh.

- Phương tiện, thiết bị dạy học phải được sử dụng để kích thích học sinh suy nghĩ, làm việc.

- Công nghệ thông tin góp phần đổi mới PPGD:

Thế giới bước vào kỷ nguyên mới nhờ tiến bộ nhanh chóng của việc ứng dụng CNTT vào tất cả các lĩnh vực. Trong giáo dục và đào tạo, CNTT đã góp phần hiện đại hóa phương tiện thiết bị dạy học, góp phần đổi mới PPGD.

Xu hướng chung của thế giới hiện nay là sử dụng đa phương tiện trong dạy học. Nhờ sự phát triển của khoa kỹ thuật, quá trình dạy học đã sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại như là phim chiếu để giảng bài với đèn chiếu Overhead; phần mềm hỗ trợ bài giảng minh họa trên lớp với Projector; phần mềm dạy học giúp học sinh học trên lớp và ở nhà; công nghệ kiểm tra đánh giá bằng trắc nghiệm trên máy tính; sử dụng mạng Internet, thiết bị đa phương tiện để dạy học... Đa phương tiện có tác dụng tạo ra nhiều khả năng mới trong lĩnh vực dạy học môn GDCC, dạy học với phương tiện dạy học hiện đại sẽ có các ưu thế sau:

- \* Các phương tiện dạy học hiện đại sẽ tạo ra khả năng để giáo viên trình bày bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

- \* Giáo viên chuẩn bị bài dạy một lần thì sử dụng được nhiều lần.

- \* Phát huy cao tính tích cực học tập của học sinh, cho phép học sinh học theo khả năng, học sinh có trách nhiệm hơn với việc học tập.

- \* Phát triển được các năng lực tìm kiếm, tổ chức và so sánh, phân tích thông tin của học sinh.

- \* Các phương tiện dạy học sẽ hỗ trợ, chuẩn hóa các bài giảng mẫu, đặc biệt đối với những phần khó giảng, những khái niệm phức tạp. Việc học tập mở rộng ra ngoài phạm vi phòng học, môn học, trường học.

- \* Học sinh học không bị thụ động, có nhiều thời gian nghe giảng để đào sâu suy nghĩ và điều quan trọng hơn là học sinh được dự và nghe giảng bài của nhiều giáo viên giỏi.



Ngoài ra, cần phát triển mạng lưới trường lớp như tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất thiết, thiết bị trường học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại đảm bảo các trường THPT đủ phòng học để tiến tới học 2 buổi/ngày, có phòng học bộ môn; trước năm 2015 bảo đảm các trường học đều có nhà vệ sinh cho học sinh, có cơ sở phục vụ giáo dục thể chất. Phần đầu đạt mục tiêu trường đạt chuẩn quốc gia đối với từng cấp học, bậc học

Nâng cao hiệu quả việc khai thác sử dụng các thiết bị dạy học. Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Tăng cường hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả các Dự án ODA về giáo dục và đào tạo, thu hút các nguồn tài trợ, các dự án vay vốn nước ngoài để phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

#### **3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy môn GDCD**

Môn GDCD cũng như bất kỳ môn học nào, thành công hay thất bại thì yếu tố người giáo viên đóng vai trò quan trọng, quyết định. Chính vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên GDCD là vô cùng cần thiết bên cạnh việc đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá... Chất lượng giáo dục phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, song yếu tố chiếm vị trí quan trọng hàng đầu là đội ngũ người thầy. Để có một nền giáo dục tiên tiến, toàn diện thì trước hết phải có một đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn, mẫu mực về phẩm chất đạo đức, phong cách, lối sống cao thượng, trong sáng, yêu nghề, giàu lòng nhân ái, có lý tưởng, có lối sống chuẩn mực, trong sáng, cao đẹp. Đó là mong muốn không chỉ của riêng các nhà quản lý giáo dục, của các cơ sở giáo dục mà còn là mong muốn của học sinh, phụ huynh học sinh và của toàn xã hội.

Thiết nghĩ, để giúp giáo viên làm tốt công tác giảng dạy môn GDCD và học sinh được học chương trình môn GDCD có hiệu quả. Trước hết, chúng ta phải có đội ngũ nhà giáo yêu nghề, tâm huyết với nghề mà mình đã chọn lựa,

đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ giáo viên giảng dạy môn GDCD phấn đấu cống hiến cho trường, cho ngành. Bên cạnh đó, mỗi giáo viên giảng dạy bộ môn này cũng phải trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong giảng dạy.

Cần nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 40 – CT/ TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư trung ương Đảng về việc “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”, xây dựng phát triển đội ngũ nhà giáo đủ chuẩn và trên chuẩn, triển khai đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ theo chuẩn nghề nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả, sáng tạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; Chỉ thị số 33/ 2006/ CT-TTg về “chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục”, gắn với cuộc vận động “hai không” của ngành; phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

PPGD theo hướng tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh không hề hạ thấp hay giảm nhẹ vai trò của giáo viên. Muốn vận dụng PPGD tích cực đạt hiệu quả cao, người giáo viên phải thực sự trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học tập độc lập hoặc theo nhóm để học sinh chiếm lĩnh tri thức mới, hình thành kỹ năng, thái độ, tình cảm và niềm tin theo yêu cầu của nội dung, chương trình môn GDCD. Để đạt được điều đó, hoạt động của giáo viên đa dạng hơn, phức tạp hơn và khó khăn hơn nhiều. Trong cách dạy thụ động, thông tin đi theo một chiều, chủ yếu là từ thầy đến trò cho nên giáo viên có thể hoàn toàn kiểm soát được, giáo viên vận dụng trình độ hiểu biết và kinh nghiệm của mình để làm cho học sinh hiểu và nhớ nội dung quy định trong sách giáo khoa. Còn trong giờ học với các phương pháp tích cực, có sự giao tiếp thường xuyên giữa học sinh với học

sinh, bài học được xây dựng từ những đóng góp của học sinh thông qua những hoạt động do giáo viên tổ chức. Vì vậy, giáo viên phải có chuyên môn, có kinh nghiệm sư phạm mới làm chủ được diễn biến của tiết học. Nói cách khác, để đổi mới PPGD môn GDCD theo hướng tích cực hoá nhận thức của học sinh có hiệu quả thì giáo viên phải có trình độ chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm lành nghề, có đầu óc sáng tạo và nhạy cảm mới có thể tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập của học sinh mà nhiều khi diễn biến ngoài tầm dự kiến. Đối với môn GDCD, đó còn là niềm tin, là lòng nhiệt tình. Bởi có niềm tin, có lòng nhiệt tình, giáo viên môn GDCD mới thật sự say mê để sáng tạo và đổi mới không ngừng quá trình giảng dạy của mình.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên GDCD, theo TS. Nguyễn Hải Thập – Cục phó Cục Nhà giáo, thì không phải đây là nhiệm vụ một sớm một chiều mà là nhiệm vụ lâu dài, cần được tiến hành thường xuyên, liên tục. Cùng với đó, cần có sự vào cuộc của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, sự cầu thị, bền bỉ, kiên trì của bản thân giáo viên với những giải pháp đồng bộ, thiết thực. Theo ông, việc xây dựng chương trình đào tạo cần tăng thêm thời lượng và nội dung môn học về pháp luật để sinh viên sau khi ra trường đảm nhận tốt việc giảng dạy môn GDCD và đồng thời làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường và ở địa phương. Các cơ sở giáo dục đào tạo giáo viên GDCD cần có định hướng ngay từ năm thứ nhất cho các giáo sinh về vai trò, vị trí của môn GDCD, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các cơ sở giáo dục để sinh viên có thực tiễn giảng dạy giúp giáo sinh học chuyên ngành giáo dục chính trị, GDCD kịp thời nắm bắt các thông tin cập nhật từ cơ sở. Mặt khác, các cơ sở đào tạo giáo viên GDCD cũng cần phải thường xuyên đổi mới phương pháp dạy - học, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của giáo sinh. Đặc biệt, là yêu cầu giáo sinh ngay từ khi còn ngồi trên ghế các trường sư phạm phải cập nhật thông tin, ứng dụng thành tựu của khoa

học hiện đại vào giảng dạy để khi ra trường không bị xa rời với thực tiễn giảng dạy của xã hội hiện đại.

Cần quy định bắt buộc giáo viên phải học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Tiến hành nhiều hình thức tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giáo viên, đặc biệt là các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng sư phạm, phương pháp dạy học. Cùng đó, cần có chính sách thiết thực và cụ thể để nâng cao đời sống và điều kiện làm việc của đội ngũ giáo viên để tăng cường tình yêu nghề nghiệp, quan tâm đến việc trau dồi phẩm chất và năng lực chuyên môn. Giáo viên cần vận dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy – học phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, nhất là các phương pháp nêu vấn đề và xử lý tình huống thực tế.

Một trong những giải pháp có vai trò quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo viên GDCD không thể không đề cập tới, đó là cần đổi mới chế độ, chính sách đối với giáo sinh, giáo viên giảng dạy môn GDCD. Nhưng cũng không thể phủ nhận trong những năm gần đây, Chính phủ đã nỗ lực tăng đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là chế độ thâm niên cho nhà giáo. Tuy nhiên, chế độ lương cho nhà giáo còn nhiều bất cập. Thu nhập của giáo viên GDCD nhìn chung lại thấp hơn so với mặt bằng thu nhập của xã hội. Giáo viên giảng dạy GDCD mà nghèo thì khó có thể thấp lên khát vọng phấn đấu làm giàu cho học sinh trong sự nghiệp dân giàu nước mạnh. Khó có thể đòi hỏi giáo viên toàn tâm toàn ý với công việc thiếu hấp dẫn (môn học khô khan, bị phân biệt đối xử, nguồn thu nhập ít ỏi). Bởi vậy, cần đổi mới chế độ, chính sách đối với sinh viên, giảng viên ngành GDCD, giáo viên GDCD.

Cùng đó, thực tiễn những năm qua cũng cho thấy để nâng cao chất lượng giáo viên GDCD thì công tác bồi dưỡng thường xuyên cần phải nâng cao hiệu quả hơn nữa, tránh hình thức, gắn với đòi hỏi của thực tiễn GDCD trong nhà trường và sát với từng đối tượng như giáo viên mới vào nghề, giáo viên lâu năm, giáo viên dạy trái chuyên ngành đào tạo...

Người giáo viên, đặc biệt là giáo viên giảng dạy môn GDCD luôn được xã hội nhìn nhận ở hai vai trò vừa là nhà khoa học, vừa là nhà giáo dục, đồng thời là chuẩn mực, tấm gương sáng để học sinh noi theo. Nâng cao nhận thức cho các giáo viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy môn GDCD để họ nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của môn học và xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc đầu tư thời gian, đào sâu tìm tòi tri thức nhằm phục vụ công tác giảng dạy môn học được tốt hơn, luôn tự học để nâng cao khả năng chuyên môn, đổi mới PPGD, làm cho môn GDCD thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc dạy chữ - dạy người ở trường THPT.

Hơn bất cứ bộ môn khoa học nào, người giáo viên giảng dạy môn GDCD ở trường THPT cần ý thức và nhận thức được điều đó. Tri thức của môn học không chỉ dừng lại ở những kiến thức hàn lâm, sách vở trong kho tàng tri thức đồ sộ của nhân loại mà quan trọng hơn là người giáo viên giảng dạy môn GDCD phải xây dựng được cho học sinh một hình tượng sống có mục đích, có lý tưởng, có ước mơ, hoài bão, chuẩn bị cho các em những hành trang thiết yếu, hữu dụng để bước vào cuộc sống một cách tự tin và xứng đáng là những người công dân chân chính giàu lòng nhân ái, biết chia sẻ, trung thực, vị tha, sáng tạo, quyết đoán,... Để môn học thực sự xứng đáng với vị trí là môn học “Giáo dục con người và học để làm người” trong hệ thống các môn học ở trường THPT.

### **3.2.5. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá**

Đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông ở nước ta đang trở thành vấn đề được toàn xã hội và toàn ngành giáo dục ngày càng quan tâm. Đánh giá tốt sẽ giúp cho việc ra các quyết định đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục. Đánh giá tốt cũng giúp điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện từ các chủ trương lớn đến các hoạt động giáo dục cụ thể nhằm đảm bảo nâng cao hơn nữa hiệu quả giáo dục. Trong những năm qua, vấn đề chất lượng giáo dục phổ

thông được đánh giá theo những quan niệm rất khác nhau, thậm chí đối lập lẫn nhau. Một trong những lý do của tình hình đó là hoạt động đánh giá giáo dục nói chung, đánh giá chất lượng phổ thông nói riêng còn lạc hậu, trì trệ, thiếu một cơ sở khoa học đầy đủ, nhất quán, cập nhật, chưa đảm bảo độ tin cậy cần thiết để có sức thuyết phục mọi người. Vì vậy, hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục phải dựa trên những luận cứ khoa học đúng đắn và phải được tiến hành một cách khách quan, thường xuyên. Đồng thời cần được đổi mới theo yêu cầu đồng bộ khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông.

Kiểm tra, đánh giá về mặt quan điểm cần xác định, kiểm tra, đánh giá là công cụ quan trọng, chủ yếu xác định năng lực nhận thức người học, điều chỉnh quá trình dạy và học; là động lực để đổi mới PPGD, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo con người theo mục tiêu giáo dục.

Chúng ta biết rằng mục tiêu giáo dục phổ thông của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là đào tạo nguồn nhân lực có đủ đức, trí, thể, mỹ, đặc biệt là hình thành và phát triển ở họ năng lực sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác và các kỹ năng xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Thực hiện mục tiêu giáo dục, hiện nay ngành giáo dục đặt biệt quan tâm đến đổi mới PPGD theo hướng lấy người học làm trung tâm hay còn gọi là dạy và học tích cực. Đổi mới PPGD phải đồng bộ đổi mới kiểm tra đánh giá. Nếu dạy theo phương pháp mới, kiểm tra đánh giá theo cách cũ thì sớm muộn cũng trở về cách dạy cũ.

Kiểm tra, đánh giá có vai trò rất quan trọng trong quá trình dạy học. Kiểm tra, đánh giá có hệ thống và thường xuyên sẽ cung cấp kịp thời những thông tin cần thiết về mức độ đạt được trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục bộ môn, giúp học sinh tự điều chỉnh hoạt động học, giúp giáo viên có những thông tin phản hồi để điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường phổ thông. Kiểm tra, đánh giá có vai trò, ý nghĩa đối với cả giáo viên và học sinh.

- Đối với giáo viên: tự giám sát việc thực hiện mục tiêu dạy học, kết quả sử dụng PPGD, hình thức và phương tiện dạy học; điều chỉnh việc dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh; biết được kết quả học tập, rèn luyện của lớp học và từng học sinh.

- Đối với học sinh: cần được hình thành và phát triển kỹ năng đánh giá và tự đánh giá, thấy rõ năng lực học tập của bản thân để phấn đấu và kịp thời rút kinh nghiệm cho việc học tập của mình; động viên khuyến khích học sinh phấn khởi, tích cực trong học tập, để phân loại, xếp loại học sinh.

Việc kiểm tra, đánh giá có vai trò góp phần quan trọng vào việc đổi mới PPGD. Cần yêu cầu học sinh không chỉ học thuộc lòng nội dung bài học là được, mà phải biết liên hệ nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống.

Để đánh giá có hiệu quả trong dạy và học tích cực cần:

- Đẩy mạnh hơn nữa việc đổi mới nội dung và PPGD ở các trường THPT nhằm giúp người học có thể phát triển tích hợp năng lực đánh giá với các năng lực nhận thức và năng lực chuyên môn khác xuyên qua nhiều môn học.

- Có chính sách nâng cao năng lực đánh giá cho đội ngũ giáo viên.

- Phát triển kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên về năng lực đánh giá và kế hoạch này cần được triển khai cụ thể và phù hợp với nhu cầu của cơ sở trường phổ thông.

Cần chú trọng hơn đến kiểm tra thái độ, tình cảm, các kỹ năng nhận xét, đánh giá, phân biệt đúng sai, khả năng vận dụng và thực hành trong cuộc sống. Trên cơ sở đó, thúc đẩy học sinh tích cực rèn luyện theo yêu cầu của các chuẩn mực mà bài học đặt ra, tức là cần kiểm tra đánh giá được học sinh trên cả 3 mặt: kiến thức, kỹ năng, thái độ.

- Công cụ, phương tiện chủ yếu của đánh giá là kiểm tra và hình thức thông dụng là trắc nghiệm.

Có hai loại kiểm tra được quy định trong kế hoạch dạy học là kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ. Vận dụng quy định đó, trong môn GDCD có những hình thức kiểm tra, đánh giá như sau: kiểm tra viết, kiểm tra vấn đáp và kiểm tra qua các hoạt động của học sinh.

Trắc nghiệm là phương pháp thông dụng để lượng giá trong giáo dục. Trắc nghiệm có hai hình thức cơ bản là trắc nghiệm tự luận: hình thức kiểm tra mà trong đó đề kiểm tra gồm các câu hỏi dạng mở yêu cầu học sinh phải trình bày nội dung trả lời các câu hỏi trong một bài viết để giải quyết vấn đề nêu ra và trắc nghiệm khách quan: hình thức kiểm tra mà trong đó đề kiểm tra thường gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu nêu ra một vấn đề cùng với những thông tin cần thiết yêu cầu học sinh chỉ trả lời vấn đề đối với từng câu hỏi. Bao gồm trắc nghiệm đúng-sai, trắc nghiệm điền khuyết, trắc nghiệm ghép đôi, trắc nghiệm nhiều lựa chọn...

Đổi mới kiểm tra, đánh giá phải gắn với thực hiện cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục” và gắn với phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Thực hiện đúng quy chế đánh giá, xếp loại học sinh, đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng. Trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng để đánh giá kết quả học sinh cho sát, đúng. Phải đảm bảo sự cân đối các yêu cầu kiểm tra về kiến thức, rèn luyện kỹ năng và yêu cầu về thái độ đối với học sinh. Cần giảm nhẹ yêu cầu kiểm tra tái hiện kiến thức, tăng cường yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức theo hướng ra đề “mở”, kết hợp một cách hợp lý câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá môn GDCD.

Nhìn chung việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong nhà trường phổ thông hiện nay bước đầu có một số đổi mới trong việc đa dạng hóa các loại hình câu hỏi, song nhìn chung còn lạc hậu, thiên về kinh nghiệm, thói



quen, việc đánh giá còn phiến diện, chưa hướng tới đánh giá được các năng lực, phẩm chất của người học. Phương pháp đánh giá còn nghèo nàn, hệ thống đánh giá hiện hành có phần lạc hậu, đặc biệt là trong tình hình đổi mới giáo dục nhằm đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước,

### **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

#### **3.3.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Tăng cường đầu tư ngân sách cho giáo dục – đào tạo. Đầu tư vốn để kiên cố hóa trường học, bổ sung thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng sách giáo khoa và ổn định nội dung sách giáo khoa các bậc học phổ thông ít nhất 5 năm.

- Bộ GD&ĐT phải giảm tải nội dung chương trình môn học, đơn giản hóa nội dung kiến thức và chương trình trong SGK.

- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ thông tin giữa các trường trung học trong nước và quốc tế. Tăng cường hợp tác liên kết đào tạo trong nước và chọn lọc liên kết đào tạo với nước ngoài nhằm tạo sự liên thông trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, trình độ cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hội nhập quốc tế của cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng.

#### **3.3.2. Đối với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên**

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đối với việc phát triển giáo dục nói chung cũng như hoạt động giảng dạy môn GDCD ở các trường THPT. Cần bổ sung và hoàn thiện các chính sách đãi ngộ, cũng như xây dựng môi trường thuận lợi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng

cao phục vụ cho mục tiêu phát triển giáo dục của tỉnh. Cần quan tâm hơn nữa đến đời sống của cán bộ, giáo viên các trường THPT. Đặc biệt là chế độ phụ cấp ưu đãi đối với các giáo viên.

### **3.3.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên**

- Chăm lo phát triển đội ngũ nhà giáo, triển khai thực hiện Đề án quy hoạch nguồn nhân lực của ngành giáo dục. Tổ chức có hiệu quả công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý giáo dục, công chức, nhân viên, giáo viên các bậc học, ngành học theo chương trình bồi dưỡng thường xuyên. Tiếp tục triển khai thực hiện đại trà chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học (đặt biệt là môn GDCD), chuẩn hiệu trưởng trường trung học. Từng năm học, mỗi giáo viên phải thực hiện đổi mới PPGD.

- Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nguồn nhân lực có trình độ sau đại học theo Đề án Phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015 và 2015-2020. Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 đối với giáo dục THPT: 100% đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn, trong đó có trên 12% đạt trình độ trên chuẩn (thạc sỹ, tiến sỹ); 30% trường đạt chuẩn quốc gia, trên 80% thanh niên đúng độ tuổi có trình độ học vấn THPT.

- Cần đầu tư kinh phí, hoàn thiện khâu tổ chức biên chế, sàng lọc giáo viên, tạo được đội ngũ giáo viên giỏi, đủ số lượng mạnh về chất lượng. Xây dựng đề án sử dụng giáo viên đã tốt nghiệp sư phạm nhưng chưa có việc làm để thay thế số giáo viên không đủ tiêu chuẩn, giáo viên xếp loại chuyên môn kém 2 năm liền, giảng dạy không đạt yêu cầu thì phải thay thế.

- Thường xuyên tập huấn chuyên môn và tập huấn định kỳ kiến thức về pháp luật cho giáo viên giảng dạy bộ môn GDCD.

- Ngành giáo dục tỉnh cần tổ chức kỳ thi học sinh giỏi, giáo viên giỏi ở môn GDCD. Đây là cơ hội để các giáo viên giảng dạy môn GDCD học tập,

trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, cần thay đổi quan điểm và nhận thức về vị trí, vai trò của môn học của các cấp quản lý, tạo ra sự bình đẳng về tri thức khoa học giữa các môn học trong hệ thống các bộ môn khoa học ở trường THPT. Làm được điều này sẽ tạo ra bước phát triển đột phá trong việc dạy - học môn GDCD không chỉ trên địa bàn tỉnh mà còn có sức lan tỏa đến các tỉnh thành khác.

- Quan tâm đầu tư trang thiết bị về công nghệ thông tin cho các trường THPT. Bồi dưỡng giáo viên các bộ môn về công nghệ thông tin để họ có thể tổ chức tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong trường học.

#### **3.3.4. Đối với các trường THPT**

- Các trường THPT trên địa bàn tỉnh cần tuyển dụng đủ đội ngũ giáo viên được đào tạo bài bản, đúng chuyên ngành GDCD và giáo dục chính trị tại các trường đại học sư phạm. Đây là đội ngũ giáo viên được đào tạo quy lát, chuẩn về trình độ kiến thức, có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt huyết với nghề. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên giảng dạy môn GDCD giữa các trường trên địa bàn tỉnh.

- Nhà trường phải giúp cho học sinh có cái nhìn đúng đắn về vị trí quan trọng của môn GDCD trong trường THPT.

- Cần có sự đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất như: Mua sắm hệ thống bảng phụ; mua tranh ảnh, tư liệu và một số thiết bị dạy học.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên thực hiện đổi mới PPGD, tạo điều kiện sử dụng phương tiện công nghệ thông tin trong nhà trường đáp ứng yêu cầu cá thể hóa hoạt động dạy, học theo nhu cầu và khả năng của giáo viên và học sinh.

- Có biện pháp quản lý, chỉ đạo đổi mới PPGD trong nhà trường một cách hiệu quả; thường xuyên tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá các hoạt

động dạy và học theo định hướng đổi mới PPGD. Động viên, khen thưởng kịp thời những giáo viên thực hiện có hiệu quả đổi mới PPGD và phê bình, nhắc nhở những giáo viên chưa tích cực đổi mới PPGD.

- Có chế độ đãi ngộ nhằm thu hút giáo viên có trình độ học vấn cao về công tác, giảng dạy tại trường. Tăng cường giao lưu, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm giữa các trường THPT trong tỉnh và trên cả nước.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực trạng giảng dạy môn GDCD ở trường THPT, với yêu cầu cấp bách cần phải đổi mới PPGD, các giải pháp nêu trên sẽ góp phần thực hiện được chương trình đổi mới trong ngành giáo dục nói chung và đổi mới PPGD môn GDCD nói riêng. Điều này đòi hỏi phải có sự chung tay góp sức của ngành giáo dục, của nhà trường, của toàn thể giáo viên và học sinh, mỗi giáo viên phải tự chuyển mình để đổi mới trong PPGD, mỗi học sinh phải tự thay đổi cách học theo hướng tích cực, nhà trường phải tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện đổi mới PPGD theo chủ trương của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Đó là con đường duy nhất để đạt thành công trong việc đổi mới PPGD môn GDCD, để thế hệ học sinh có thể tiếp thu, cập nhật tri thức một cách nhanh chóng và hoàn thiện kiến thức đầy đủ. Có như thế học sinh Việt Nam mới trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, cho cộng đồng đúng như lời căn dặn và mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có thể sánh vai với các cường quốc năm châu hay không chính là nhờ vào công học tập của các cháu.

## KẾT LUẬN

Cũng như các môn học khác, để đổi mới PPGD môn GDCD có hiệu quả phải được đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới mục tiêu, nội dung dạy học, đổi mới cơ sở vật chất và thiết bị dạy học với đổi mới các hình thức tổ chức dạy học; đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh qua đổi mới nội dung, hình thức kiểm tra,...

Trên cơ sở như vậy, dạy học bộ môn GDCD mới thực sự góp phần đắc lực trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo ở bậc THPT: khuyến khích phát triển năng lực lập luận logic, năng lực trừu tượng hoá và chiếm lĩnh vững chắc những nội dung giáo dục cần thiết, rèn luyện được thái độ tích cực đối với lao động sản xuất, giúp học sinh hướng nghiệp và chọn nghề; phát triển thái độ tích cực và năng lực sáng tạo và sự sẵn sàng của tuổi trẻ vào thực tiễn đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Tôi hy vọng, với sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý; lòng yêu nghề, trách nhiệm lương tâm với nghề của đội ngũ giáo viên giảng dạy môn GDCD cũng như sự nhìn nhận đúng đắn của học sinh, các bậc phụ huynh và dư luận toàn xã hội về môn học thì môn GDCD sẽ ngày càng được quan tâm hơn để xứng đáng với vai trò, vị trí của môn học trong hệ thống các môn khoa học ở trường THPT. Đồng thời, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông ở nước ta được cụ thể hóa tại mục 1 Điều 27 Luật Giáo dục năm 2005 : *“Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động sản xuất, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Toan Ánh (2002), *Văn hoá Việt Nam những nét đại cương*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2] Ban Tuyên huấn Trung ương (1978), *Triết học Mác Lênin, Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chương trình trung cấp*, Nxb Sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thái Bình (2011), « Giảng dạy triết học Mác – Lênin với việc trang bị phương pháp tư duy biện chứng cho sinh viên », Lý luận chính trị, (4).
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Giáo trình triết học Mác - Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học)*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Lịch sử triết học (Giáo trình dùng cho các trường ĐH và CĐ)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo dục công dân lớp 12*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Bài tập Giáo dục công dân lớp 11*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên lớp 11 môn Giáo dục công dân*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên lớp 10 môn Giáo dục công dân*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Hướng dẫn thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 12 môn Giáo dục công dân*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn Giáo dục công dân trường THPT*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Mai Quốc Chánh (1999), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Trọng Chuẩn (2000), “Nhìn lại việc nghiên cứu và giảng dạy triết học ở nước ta 55 năm”, *Tạp chí Triết học*, (5).
- [15] Nguyễn Trọng Chuẩn (1999), “Đổi mới giảng dạy và nghiên cứu triết học; một số kết quả và vấn đề được đặt ra”, *Tạp chí Triết học*, (4), tr.20-27.
- [16] Nguyễn Trọng Chuẩn (2000), “Nhìn lại việc nghiên cứu và giảng dạy triết học ở nước ta 55 năm qua”, *Tạp chí Triết học*, (5), tr.5-11.
- [17] Will Durant (1994), *Câu chuyện triết học (Qua chân dung Platon, Aristote, Bacon, Kant, Spinoza, Voltaire, Spencer)*, Nxb Tổng Hợp Quảng Nam - Đà Nẵng.
- [18] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [19] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương khoá VIII (về giáo dục - đào tạo và khoa học, công nghệ)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [20] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành trung ương khoá VIII (về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.



- [21] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [22] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [23] Hồ Ngọc Đại (1991), *Giải pháp giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [24] Phạm Văn Đồng (1999), *Về vấn đề giáo dục - đào tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [25] Phạm Văn Đức (2000), “Một số suy nghĩ về vai trò của giáo dục, đào tạo trong việc phát triển nguồn lực con người”, *Tạp chí Triết học*, (6), tr. 9-12.
- [26] Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [27] Kỷ yếu Hội thảo khoa học (2010), *Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay*, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
- [28] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình Chủ nghĩa duy vật biện chứng (Hệ cử nhân chính trị)*, Nxb Chính trị Quốc, Hà Nội.
- [29] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình Chủ nghĩa duy vật lịch sử (Hệ cử nhân chính trị)*, Nxb Chính trị Quốc, Hà Nội.
- [30] Nguyễn Thừa Hỷ (1999), *Lịch sử văn hoá Việt Nam truyền thống gần yếu*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [31] Nguyễn Văn Lê (2006), *Học sinh sinh viên với văn hóa đạo đức trong ứng xử xã hội*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- [32] Nguyễn Đình Đăng Lục (2005), *Giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [33] Hồ Chí Minh (1971), *Về vấn đề học tập*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [34] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [35] Phạm Đình Nghiệp (2000), *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình mới*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [36] Phan Trọng Ngọ (2000), *Vấn đề trực quan trong dạy học*, Tập 1, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [37] Patrice Pelpel (1998), *Tự đào tạo để dạy học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [38] Trần Văn Phòng (2005), *Tìm hiểu môn Triết học Mác Lênin (dưới dạng hỏi và đáp)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [39] Samuel Enoch Stumpf (2004), *Lịch sử triết học và các luận đề*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [40] Mai Sơn (2007), *101 triết gia*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [41] Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hoá Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [42] Lê Hữu Tầng (2003), *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn: Những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [43] Ted Honderic (2002), *Hành trình cùng triết học*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [44] Lê Sĩ Thắng (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập II*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [45] Trần Đức Thảo (1991), *Vận dụng Triết học Mác - Lênin thế nào cho đúng?*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [46] Trần Đức Thảo (1996), *Tìm cội nguồn ngôn ngữ và ý thức*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.

- [47] Hà Nhật Thăng (2000), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [48] Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [49] Nguyễn Tài Thư (1997), *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [50] Nguyễn Khắc Thuần (2004), *Đại cương lịch sử văn hoá Việt Nam, Từ các thành tố nội sinh đến những nền văn minh đặc sắc*, tập I, Nxb Giáo dục.
- [51] Nguyễn Khắc Thuần (2001), *Đại cương lịch sử văn hoá Việt Nam, tập III, Nho giáo với quá trình tham gia vào đời sống văn hoá và tư tưởng ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [52] Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học (1998), *Lịch sử phép biện chứng: Phép biện chứng cổ đại*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [53] Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học (1998), *Lịch sử phép biện chứng: phép biện chứng thế kỷ XIV - XVIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [54] Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học (1998), *Lịch sử phép biện chứng, tập III - Phép biện chứng cổ điển Đức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [55] Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học (1986), *Lịch sử phép biện chứng mácxít - Từ khi xuất hiện chủ nghĩa Mác đến giai đoạn Lênin*, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
- [56] Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học (1987), *Lịch sử phép biện chứng mácxít - Giai đoạn Lênin*, Nxb Tiến bộ, Matxcova.

- [57] A. Xukhomlinxki (1984), *Giáo dục con người chân chính như thế nào?*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [58] A. Xukhomlinxki (1985), *Trường trung học Pavlutsh (Tổng kết kinh nghiệm công tác giảng dạy - giáo dục trong nhà trường...)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Các trang web:

- [59] Website <http://www.moet.gov.vn>
- [60] Website <http://www.phuyen.edu.vn/>
- [61] Website <http://dangcongsan.vn/cpv/>
- [62] Website <http://triethoc.edu.vn/>
- [63] <http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2013/11/331832/>

**· QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 7520/QĐ-ĐHĐN ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận học viên cao học trúng tuyển;

Xét Công văn số 126/ĐHKT-SĐH ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc đề nghị ra Quyết định giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học,

**· QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao cho học viên cao học Nguyễn Thị Như Phấn, lớp K24.TRI.BĐ, chuyên ngành Triết học, thực hiện đề tài luận văn *Biện chứng giữa nội dung và hình thức với vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân ở Phú Yên hiện nay*, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Lê Hữu Ái, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

**Điều 2.** Học viên cao học và người hướng dẫn có tên ở Điều 1 được hưởng các quyền lợi và thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Đà Nẵng.

**Điều 3.** Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, các Ban hữu quan, người hướng dẫn luận văn và học viên có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

GIÁM ĐỐC *Trần Văn Nam*



PGS.TS. Trần Văn Nam

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, Ban ĐTSĐH.

## PHỤ LỤC

### PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở PHÚ YÊN HIỆN NAY

Để có những thông tin xác thực nhằm thực hiện đề tài “ Biện chứng giữa nội dung và hình thức với vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy môn GDCD ở Phú Yên hiện nay”. Tôi rất mong nhận được sự hợp tác của các em. Xin vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

1. Vị trí của môn GDCD trong trường THPT hiện nay:

- a/ Rất quan trọng
- b/ Quan trọng
- c/ Không quan trọng

2. Việc giảng dạy và học tập bộ môn GDCD trong trường học:

- a/ cần thiết
- b/ Không cần thiết
- c/ Có hay không cũng được

3. Các bạn có thích học môn GDCD không?

- a/ Có
- b/ Không
- c/ Ý kiến khác: .....

4. Lý do bạn thích / có hứng thú khi học môn GDCD?

- a/ Tri thức về môn học
- b/ Phương pháp giảng dạy
- c/ Vai trò của môn học
- d/ Ý kiến khác: .....

5. Lý do bạn không thích / không có hứng thú khi học môn GDCD?

- a/ Khô khan, trùu tượng
  - b/ Phương pháp giảng dạy không hấp dẫn, ít liên hệ thực tiễn
  - c/ Là môn học phụ
  - d/ giáo viên khắc khe, ít vui vẻ cởi mở với học sinh
6. Thái độ của em trong việc học tập môn GDCD:
- a/ Chủ động tiếp thu
  - b/ Thờ ơ, không quan tâm
  - c/ Tích cực trao đổi ngay với giáo viên khi chưa rõ vấn đề
  - d/ Học đối phó
7. Kết quả học tập môn GDCD của em như thế nào?
- a/ Giỏi
  - b/ Khá
  - c/ Trung bình
  - d/ Yếu
8. Ở trường của em có tổ chức dạy ngoại khóa môn GDCD không?
- a/ Thường xuyên
  - b/ Không thường xuyên
  - c/ Không tổ chức
9. Nhà trường đã từng sử dụng các hình thức nào để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn GDCD cho học sinh?
- a/ Tổ chức ngoại khóa
  - b/ Tổ chức cho học sinh đi thực tế
  - c/ Tổ chức tọa đàm chủ đề
10. Cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo để phục vụ học tập môn GDCD ở trường em như thế nào?
- a/ Tốt
  - b/ Trung bình

c/ Kém

11. Thực trạng giảng dạy và học tập tiết học môn GDCD ở trường em hiện nay?
  - a/ Tiết học buồn tẻ, nhàm chán
  - b/ Tiết học sôi nổi, học sinh hứng thú tiếp thu bài
  - c/ Bình thường
12. Có cần phải đổi mới PPGD môn GDCD ở trường THPT không?
  - a/ Rất cần
  - b/ Không cần thiết
13. giáo viên giảng dạy môn GDCD sử dụng PPGD nào là chủ yếu?
  - a/ Thuyết trình
  - b/ Đàm thoại
  - c/ Thảo luận nhóm
14. Những phương tiện dạy học mới như: tivi, băng đĩa hình, phim video, trình chiếu Powerpoint... có được sử dụng trong giảng dạy môn GDCD?
  - a/ Được sử dụng thường xuyên
  - b/ Thỉnh thoảng
  - c/ Không sử dụng
15. Quá trình giảng dạy môn GDCD của giáo viên như thế nào?
  - a/ Nhiệt tình, dễ hiểu
  - b/ Không nhiệt tình, khó hiểu
  - c/ Bình thường
16. Nội dung bài học giáo viên cho học sinh ghi chép như thế nào?
  - a/ Quá sơ sài
  - b/ Dài dòng
  - c/ Vừa phải, dễ hiểu.

Cảm ơn sự hợp tác của các em, chúc các em may mắn và thành công!



## KẾT QUẢ PHIẾU ĐIỀU TRA

- Số phiếu điều tra: 500
- Đối tượng điều tra: học sinh thuộc các trường THPT ở tỉnh Phú Yên, gồm: Trường THPT Nguyễn Trường Tộ; Trường THPT Nguyễn Huệ; Trường THPT Ngô Gia Tự; Trường THPT Nguyễn Trãi; Trường THPT Lương Văn Chánh.
- Mẫu điều tra: xác suất ngẫu nhiên từ lớp 10 đến lớp 12.
- Kết quả:
  1. Vị trí của môn GDCD trong trường THPT hiện nay:

a/ Rất quan trọng	237 phiếu chiếm 47,4%
b/ Quan trọng	217 phiếu chiếm 43,4%
c/ Không quan trọng	46 phiếu chiếm 9,2%
  2. Việc giảng dạy và học tập bộ môn GDCD trong trường học:

a/ cần thiết	88 phiếu chiếm 17,6%
b/ Không cần thiết	262 phiếu chiếm 52,4%
c/ Có hay không cũng được	150 phiếu chiếm 30%
  3. Các bạn có thích học môn GDCD không?

a/ Có	409 phiếu chiếm 81,8%
b/ Không	91 phiếu chiếm 18,2%
c/ Ý kiến khác: .....	
.....	
  4. Lý do bạn thích / có hứng thú khi học môn GDCD?

a/ Tri thức về môn học	212 phiếu chiếm 42,4%
b/ Phương pháp giảng dạy	228 phiếu chiếm 45,6%
c/ Vai trò của môn học	60 phiếu chiếm 12%
d/ Ý kiến khác: .....	
.....	

5. Lý do bạn không thích / không có hứng thú khi học môn GDCD?
- |  |                       |
|--|-----------------------|
| a/ Khô khan, trừu tượng                              | 484 phiếu chiếm 96,8% |
| b/ PPGD không hấp dẫn, ít liên hệ thực tiễn          | 6 phiếu chiếm 1,2%    |
| c/ Là môn học phụ                                    | 10 phiếu chiếm 2%     |
| d/ giáo viên khắc khe, ít vui vẻ cởi mở với học sinh | 0 phiếu chiếm 0%      |
6. Thái độ của em trong việc học tập môn GDCD:
- |   |                      |
|---|----------------------|
| a/ Chủ động tiếp thu                                | 349 phiếu chiếm 69%  |
| b/ Thờ ơ, không quan tâm                            | 76 phiếu chiếm 15,2% |
| c/ Tích cực trao đổi ngay với giáo viên khi chưa rõ | 13 phiếu chiếm 2,6%  |
| d/ Học đối phó                                      | 62 phiếu chiếm 12,4% |
7. Kết quả học tập môn GDCD của em như thế nào?
- |               |                       |
|---------------|-----------------------|
| a/ Giỏi       | 286 phiếu chiếm 57,2% |
| b/ Khá        | 90 phiếu chiếm 18%    |
| c/ Trung bình | 92 phiếu chiếm 18,4%  |
| d/ Yếu        | 32 phiếu chiếm 6,4%   |
8. Ở trường của em có tổ chức dạy ngoại khóa môn GDCD không?
- |                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|
| a/ Thường xuyên       | 189 phiếu chiếm 37,8% |
| b/ Không thường xuyên | 182 phiếu chiếm 36,4% |
| c/ Không tổ chức      | 129 phiếu chiếm 25,8% |
9. Nhà trường đã từng sử dụng các hình thức nào để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn GDCD cho học sinh?
- |                                    |                        |
|------------------------------------|------------------------|
| a/ Tổ chức ngoại khóa              | 122 phiếu chiếm 24,40% |
| b/ Tổ chức cho học sinh đi thực tế | 51 phiếu chiếm 10,2%   |
| c/ Tổ chức tọa đàm chủ đề          | 327 phiếu chiếm 65,4%  |
10. Cơ sở vật chất, tài liệu tham khảo để phục vụ học tập môn GDCD ở trường em như thế nào?
- |        |                      |
|--------|----------------------|
| a/ Tốt | 68 phiếu chiếm 13,6% |
|--------|----------------------|

- |               |                       |
|---------------|-----------------------|
| b/ Trung bình | 432 phiếu chiếm 86,4% |
| c/ Kém        | 0 phiếu chiếm 0%      |
11. Thực trạng giảng dạy và học tập tiết học môn GDCD ở trường em hiện nay?
- |  |                       |
|--|-----------------------|
| a/ Tiết học buồn tẻ, nhàm chán                 | 189 phiếu chiếm 37,8% |
| b/ Tiết học sôi nổi, học sinh hứng thú học bài | 182 phiếu chiếm 36,4% |
| c/ Bình thường                                 | 129 phiếu chiếm 25,8% |
12. Có cần phải đổi mới PPGD môn GDCD ở trường THPT không?
- |                    |                       |
|--------------------|-----------------------|
| a/ Rất cần         | 432 phiếu chiếm 86,4% |
| b/ Không cần thiết | 68 phiếu chiếm 13,6%  |
13. giáo viên giảng dạy môn GDCD sử dụng PPGD nào là chủ yếu?
- |                   |                       |
|-------------------|-----------------------|
| a/ Thuyết trình   | 484 phiếu chiếm 96,8% |
| b/ Đàm thoại      | 10 phiếu chiếm 2%     |
| c/ Thảo luận nhóm | 6 phiếu chiếm 1,2%    |
14. Những phương tiện dạy học mới như: tivi, băng đĩa hình, phim video, trình chiếu Powerpoint... có được sử dụng trong giảng dạy môn GDCD?
- |                              |                       |
|------------------------------|-----------------------|
| a/ Được sử dụng thường xuyên | 338 phiếu chiếm 67,6% |
| b/ Thỉnh thoảng              | 162 phiếu chiếm 32,4% |
| c/ Không sử dụng             | 0 phiếu chiếm 0%      |
15. Quá trình giảng dạy môn GDCD của giáo viên như thế nào?
- |                               |                       |
|-------------------------------|-----------------------|
| a/ Nhiệt tình, dễ hiểu        | 133 phiếu chiếm 26,6% |
| b/ Không nhiệt tình, khó hiểu | 0 phiếu chiếm 0%      |
| c/ Bình thường                | 367 phiếu chiếm 73,4% |
16. Nội dung bài học giáo viên cho học sinh ghi chép như thế nào?
- |                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|
| a/ Quá sơ sài         | 411 phiếu chiếm 82,2% |
| b/ Dài dòng           | 69 phiếu chiếm 13,8%  |
| c/ Vừa phải, dễ hiểu. | 20 phiếu chiếm 4%     |

